

<ul style="list-style-type: none">- GV nêu yêu cầu- Yêu cầu HS tự làm bài.- Gọi HS nhận xét bài làm của bạn trên bảng, GV nhận xét. <p><i>Bài 4: (dòng 2, 3)</i></p> <ul style="list-style-type: none">- Gọi HS đọc yêu cầu của bài tập.- Yêu cầu HS đọc các số của dòng đầu tiên, các số của cột đầu tiên, dấu phép tính ghi ở góc.- 6 nhân 1 bằng mấy?- Vậy ta viết 6 vào cùng dòng với 6 và thẳng cột với 1.- 6 nhân 2 bằng mấy?- Vậy ta viết 12 vào cùng dòng với 6 và thẳng cột với 2.- Yêu cầu HS tự làm tiếp.-GV quan sát- Chữa bài, nhận xét. <p>4. Củng cố, dặn dò:</p> <ul style="list-style-type: none">- Dặn HS ôn lại bảng nhân 9.- Yêu cầu HS về nhà làm bài tập và luyện tập thêm.- Nhận xét tiết học.- Chuẩn bị bài sau.	<ul style="list-style-type: none">- HS HĐ nhóm- Lớp làm vào vở. <p>Bài giải</p> <p>Số xe ô tô của 3 đội còn lại là: $9 \times 3 = 27$ (ô tô)</p> <p>Số xe ô tô của công ty đó là: $10 + 27 = 37$ (ô tô)</p> <p>Đáp số: 37 ô tô</p> <ul style="list-style-type: none">- 1 HS đọc đề.- 6 nhân 1 bằng 6.- 6 nhân 2 bằng 12.- HS HĐ nhóm.	Khá, giỏi
--	--	-----------

Tiết: 65

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Gam/65

I. Mục tiêu:

- Biết gam là một đơn vị đo khối lượng và sự liên hệ giữa gam và ki-lô-gam
- Biết đọc kết quả khi cân một vật bằng cân 2 đĩa và cân đồng hồ.
- Biết tính cộng, trừ, nhân, chia với số đo khối lượng là gam.
- Bài 5 dành cho HS giỏi .

II. Chuẩn bị:

Một chiếc cân đĩa và 1 chiếc cân đồng hồ.

III. Các hoạt động dạy – học:

GV	HS	ĐC
<p>1. Ôn định</p> <p>2. Bài mới: Giới thiệu bài + ghi tựa.</p> <p>* Giới thiệu cho HS về Gam.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gam là đơn vị đo khối lượng. - Gam viết tắt là g <p style="text-align: center;">$1000g = 1kg$</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV giới thiệu quả cân thường dùng. - GV giới thiệu đĩa cân đồng hồ - Cân mẫu gói hàng nhỏ bằng 2 loại cân đều ra cùng một kết quả. <p><i>Luyện tập - thực hành:</i></p> <p><i>Bài 1:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nêu yêu cầu. - GV cho HS quan sát tranh và trả lời: <p><i>Bài 2:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS quan sát hình vẽ bằng đĩa cân đồng hồ. GV đặt câu hỏi yêu cầu HS trả lời. - HS làm tương tự với phần b). <p><i>Bài 3: Nêu yêu cầu</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV viết lên bảng $22g + 47g$ và yêu cầu HS tính. - Yêu cầu HS làm bài với các phần còn lại. <p><i>Bài 4:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nêu yêu cầu. - Yêu cầu HS tự làm bài. <p>- Chữa bài, nhận xét.</p>	<p>Hát</p> <p>Nhắc lại.</p> <p>Theo dõi</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc. - HS quan sát, theo dõi. <ul style="list-style-type: none"> - HS HĐ nhóm. - Hộp đường: 200g. - Quả táo: 700g - Mì chính: 210g - Quả lê: 400g. <p>- HS làm bài.</p> <p>HS HĐ nhóm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lấy $22 + 47 = 69$, ghi tên đơn vị đo là g vào sau số 69. - 3 HS lên bảng làm bài, lớp làm vào vở. - HS đổi vở kiểm tra chéo. - HS HĐ nhóm. - Lớp làm vào vở. <p><i>Bài giải:</i></p> <p>Số gam sữa trong hộp có là:</p> <p style="text-align: center;">$455 - 58 = 397 (g)$</p> <p style="text-align: center;">Đáp số: 397 g sữa</p>	

<p><i>Bài 5. GV nêu yêu cầu</i></p> <p>- Nhận xét, sửa bài.</p> <p>3. Củng cố, dặn dò:</p> <p>- Yêu cầu HS về nhà đọc, viết cân nặng của một số đồ vật.</p> <p>- Nhận xét tiết học.</p> <p>- Chuẩn bị bài sau.</p>	<p>HS HĐ nhóm</p> <p>- HS phân tích đề.</p> <p>- HS làm bài.</p>	<p>Khá, giỏi</p>
---	--	------------------

TUẦN 14

Tiết: 66

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Luyện tập/67

I. Mục tiêu:

- Biết so sánh các khối lượng.
- Biết làm các phép tính với số đo khối lượng và vận dụng được vào giải toán. Bài 1, 2, 3, 4.
- Biết sử dụng cân đồng hồ để cân một vài đồ dùng học tập.

II. Chuẩn bị:

- 1 chiếc cân đĩa, 1 chiếc cân đồng hồ.

III. Các hoạt động dạy – học:

GV	HS	ĐC
<p>1. Ôn định:</p> <p>2. Kiểm tra bài cũ:</p> <p>- Yêu cầu HS đọc số cân nặng của một số vật.</p> <p>- Nhận xét.</p> <p>3. Bài mới: Giới thiệu bài + ghi bảng</p> <p>* Hướng dẫn HS thực hành.</p> <p>Bài 1:</p> <p>- GV nêu yêu cầu.</p> <p>- GV cho HS làm câu thứ nhất rồi thống nhất kết quả so sánh.</p> <p>- Các bài còn lại gọi 5 HS làm bảng nhóm.</p> <p>- GV kiểm tra nhận xét</p>	<p>Hát</p> <p>- 2 HS .</p> <p>Nhắc lại.</p> <p>- HS lắng nghe.</p> <p>- HS HĐ nhóm.</p> <p>- $744g > 474g$.</p> <p>- HS tự làm các câu còn lại.</p>	

<p>Bài 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- GV nêu yêu cầu.- Yêu cầu HS làm bài tập rồi chữa bài. <p>-Chữa bài và nhận xét.</p> <p>Bài 3:</p> <ul style="list-style-type: none">- GV nêu yêu cầu.- Yêu cầu HS làm bài. <p>- Kiểm tra, nhận xét.</p> <p>Bài 4:</p> <ul style="list-style-type: none">- Chia HS thành các nhóm nhỏ, phát cân cho HS và yêu cầu các em thực hành cân các đồ dùng học tập của mình.- Ghi lại các khối lượng cân được.- So sánh khối lượng vật nào nặng hơn. <p>4. Củng cố dặn dò</p> <ul style="list-style-type: none">- Yêu cầu HS về nhà xem lại bài và làm bài tập về nhà.- Nhận xét tiết học.- Chuẩn bị bài sau.	<p>- HS HĐ nhóm. Vở</p> <p>Bài giải: Số gam kẹo mẹ Hà đã mua là: $130 \times 4 = 520$ (g) Số gam bánh và kẹo mẹ Hà đã mua là: $520 + 175 = 695$ (g) Đáp số: 695 g.</p> <p>- HS HĐ nhóm. Làm vở.</p> <p>Bài giải: $1 \text{ kg} = 1000 \text{ g}$ Số đường còn lại cân nặng là: $1000 - 400 = 600$ (g) Mỗi túi đường nhỏ cân nặng là: $600 : 3 = 200$ (g) Đáp số: 200g đường.</p> <p>3 nhóm thi đua</p>	
--	---	--

Tiết: 67

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Bảng chia 9/68

I. Mục tiêu:

- Bước đầu thuộc bảng chia 9 và vận dụng trong giải toán (có một phép chia 9).
- Bài 1,2 cột 4 dành cho HS khá, giỏi.

II. Chuẩn bị:

Các tấm bìa, mỗi tấm bìa có 9 chấm tròn.

III. Các hoạt động dạy – học:

GV	HS	ĐC
<p>1. Ổn định:</p> <p>2. Kiểm tra kiến thức cũ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc bảng nhân 9. - GV nhận xét. <p>3. Bài mới: Giới thiệu bài + ghi bảng</p> <ul style="list-style-type: none"> * Nêu phép nhân 9: Gọi HS đọc phép nhân. * Nêu phép chia 9: * Từ phép nhân 9 ta lập được phép chia 9. Từ $9 \times 3 = 27$ ta có: $27 : 9 = 3$ * Lập bảng chia: - HS chuyển từ phép nhân 9 sang phép chia 9. $9 \times 1 = 9$ thì $9 : 9 = 1$ $9 \times 2 = 18$ thì $18 : 9 = 2$ $9 \times 10 = 90$ thì $90 : 9 = 10$ - Tổ chức cho HS học bảng chia 9. <p>Luyện tập</p> <p>Bài 1: GV nêu yêu cầu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra nhận xét bài của HS. <p>Bài 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS xác định yêu cầu của bài. - Hỏi: Khi đã biết $9 \times 5 = 45$, có thể ghi ngay kết quả của $45 : 9$ và $45 : 5$ được không? - Yêu cầu HS giải thích tương tự với các trường hợp còn lại. - GV kiểm tra nhận xét 	<p>Hát</p> <p>3 HS</p> <p>Nhắc lại.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe. - 1 HS đọc. - Phép tính $9 : 9 = 1$ - HS theo dõi và làm bài. <p>- HS lập bảng chia.</p> <p>- HS tự học thuộc lòng bảng chia 9.</p> <p>HS HĐ nhóm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính nhẩm. <p>HS HĐ nhóm</p> <p>Nêu miệng</p> <p>Nhận xét các trường hợp</p>	<p>cột 4 HS giỏi</p> <p>cột 4 HS giỏi</p>

<p>Bài 3: - GV nêu yêu cầu</p> <p>GV kiểm tra nhận xét.</p> <p>Bài 4: - GV nêu yêu cầu.</p> <p>- GV kiểm tra nhận xét .</p> <p>4. Củng cố - dặn dò - Gọi một vài HS đọc thuộc lòng bảng chia 9. - Dặn dò HS về nhà học thuộc bảng chia 9. - Nhận xét tiết học. - Chuẩn bị bài sau.</p>	<p>- HS HĐ nhóm - HS cả lớp làm bài vào vở. Bài giải: Số kg gạo mỗi túi là $45 : 9 = 5$ (kg) Đáp số: 5 kg gạo.</p> <p>HS HĐ nhóm HS làm vở. Giải: Số túi gạo có tất cả là: $45 : 9 = 5$ (túi) Đáp số : 5 túi gạo</p> <p>- HS xung phong đọc bảng chia.</p>
---	--

Tiết : 68

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Luyện tập/69

I. Mục tiêu:

Thuộc bảng chia 9 và vận dụng trong tính toán, giải toán (có một phép chia 9).

II. Chuẩn bị: Bảng phụ

III. Các hoạt động dạy học:

GV	HS	ĐC
<p>1. Ổn định 2. Kiểm tra bài cũ - Kiểm tra học thuộc lòng bảng chia 9 . - GV nhận xét. 3. Bài mới:Giới thiệu bài+ghi bảng Bài 1:</p>	<p>Hát</p> <p>- 2 HS lên bảng đọc thuộc lòng bảng chia 9. Nhắc lại.</p>	

<p>- GV nêu yêu cầu</p> <p>- GV kiểm tra nhận xét.</p> <p>Bài 2: GV nêu yêu cầu.</p> <p>- Yêu cầu HS nêu cách tìm số bị chia, số chia, thương rồi làm bài.</p> <p>- Chữa bài và nhận xét.</p> <p>Bài 3:</p> <p>- GV nêu yêu cầu.</p> <p>- Yêu cầu HS trình bày bài giải.</p> <p>- GV kiểm tra, nhận xét</p> <p>Bài 4:</p> <p>- GV nêu yêu cầu bài tập</p> <p>- Hình a) có tất cả bao nhiêu ô vuông</p> <p>- Muốn tìm $\frac{1}{9}$ số ô vuông có trong hình a) ta làm thế nào?</p> <p>- Hướng dẫn HS tô màu vào 2 ô trong hình a).</p> <p>- Tiến hành tương tự với phần b).</p> <p>4. Củng cố, dặn dò:</p> <p>- Yêu cầu HS về nhà luyện tập thêm về phép chia trong bảng chia 9.</p> <p>- Nhận xét tiết học.</p> <p>- Chuẩn bị bài sau.</p>	<p>HS HĐ nhóm</p> <p>HĐ nhóm</p> <p>- 4 HS lên bảng làm bài, HS cả lớp làm bài vào vở</p> <p>- HS làm bài, sau đó đổi vở kiểm tra chéo.</p> <p>HS HĐ nhóm</p> <p>HS cả lớp làm bài vào vở.</p> <p style="text-align: center;">Bài giải</p> <p>Số ngôi nhà đã xây được là:</p> $36 : 9 = 4 \text{ (nhà)}$ <p>Số ngôi nhà còn phải xây là:</p> $36 - 4 = 32 \text{ (nhà)}$ <p>Đáp số: 32 ngôi nhà.</p> <p>- HS HĐ nhóm</p> <p>- Tìm $\frac{1}{9}$ số ô vuông có trong mỗi hình.</p> <p>- Hình a) có tất cả 18 ô vuông.</p> <p>- Một phần chín số ô vuông trong hình a) là:</p> $18 : 9 = 2 \text{ (ô vuông)}$
---	--

Tiết: 69

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Chia số có hai chữ số cho số có một chữ số/70

I. Mục tiêu:

- Biết đặt tính và tính chia số có hai chữ số cho số có một chữ số (chia hết và chia có dư).
- Biết tìm một trong các phần bằng nhau của một số và giải bài toán có liên quan đến phép chia.
- *Bài 1 cột 4 dành cho HS khá, giỏi.*

II. Chuẩn bị: bảng phụ

III. Các hoạt động dạy học:

GV	HS	ĐC																					
<p>1. Ôn định:</p> <p>2. Kiểm tra bài cũ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi 2 HS lên bảng . Đặt tính: $17:2$; $58:6$ - GV nhận xét, nhận xét. <p>3. Bài mới: <i>Giới thiệu bài+ghi bảng</i></p> <ul style="list-style-type: none"> * GV nêu phép chia: $72 : 3$ - GV viết lên bảng phép tính: $72 : 3 = ?$ - Yêu cầu HS đặt tính và HD HS thực hiện. <ul style="list-style-type: none"> * GV nêu phép chia: $65 : 2$ - Tiến hành các bước tương tự như phép tính $72 : 3 = 24$. - Giới thiệu về phép chia có dư. <p><i>Luyện tập</i></p> <p>Bài 1: GV nêu yêu cầu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định yêu cầu của bài, sau đó cho HS tự làm bài. - GV kiểm tra nhận xét. - <i>Cột 4 gọi HS làm bảng lớp.</i> - <i>Nhận xét</i> <p>Bài 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nêu yêu cầu. 	<p>Hát</p> <ul style="list-style-type: none"> - 2 HS lên bảng, lớp làm bảng con. <p>Nhắc lại</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS lên bảng đặt tính và tính. Cả lớp thực hiện đặt tính vào giấy nháp. <table style="border-collapse: collapse; margin-left: 20px;"> <tr> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 2px 5px;">72</td> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 2px 5px;">3</td> <td style="padding: 2px 5px;">7 chia 3 được 2,</td> </tr> <tr> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 2px 5px;">6</td> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 2px 5px;">24</td> <td style="padding: 2px 5px;">viết 2. 2 nhân 3</td> </tr> <tr> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 2px 5px;">12</td> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 2px 5px;"></td> <td style="padding: 2px 5px;">bằng 6; $7 - 6 = 1$.</td> </tr> <tr> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 2px 5px;">12</td> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 2px 5px;"></td> <td style="padding: 2px 5px;">Hạ 2 được 12; 12</td> </tr> <tr> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 2px 5px;">0</td> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 2px 5px;"></td> <td style="padding: 2px 5px;">Chia 3 bằng 4, viết 4. 4</td> </tr> <tr> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 2px 5px;"></td> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 2px 5px;"></td> <td style="padding: 2px 5px;">nhân 3 bằng 12; 12 trừ 12</td> </tr> <tr> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 2px 5px;"></td> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 2px 5px;"></td> <td style="padding: 2px 5px;">bằng 0.</td> </tr> </table> <ul style="list-style-type: none"> - HS tự làm. <p>HS HĐ nhóm</p> <p>Làm vở nháp.</p> <p>2 HS</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS HĐ nhóm 	72	3	7 chia 3 được 2 ,	6	24	viết 2 . 2 nhân 3	12		bằng 6 ; $7 - 6 = 1$.	12		Hạ 2 được 12 ; 12	0		Chia 3 bằng 4 , viết 4 . 4			nhân 3 bằng 12 ; 12 trừ 12			bằng 0 .	<p>HS khá giỏi.</p>
72	3	7 chia 3 được 2 ,																					
6	24	viết 2 . 2 nhân 3																					
12		bằng 6 ; $7 - 6 = 1$.																					
12		Hạ 2 được 12 ; 12																					
0		Chia 3 bằng 4 , viết 4 . 4																					
		nhân 3 bằng 12 ; 12 trừ 12																					
		bằng 0 .																					

<p>- Yêu cầu HS nêu cách tìm $1/5$ của một số và tự làm bài. - GV kiểm tra, nhận xét. Bài 3: - GV nêu yêu cầu. - Yêu cầu HS trình bày bài giải. - GV kiểm tra, nhận xét.</p> <p style="text-align: center;">4. Củng cố, dặn dò:</p> <p>- Yêu cầu HS về nhà luyện tập thêm về phép chia số có hai chữ số cho số có một chữ số. - Nhận xét tiết học. - Chuẩn bị bài sau.</p>	<p style="text-align: center;">Bài giải: Số phút của $1/5$ giờ là: $60 : 5 = 12$ (phút) Đáp số: 12 (phút)</p> <p>- HS HĐ nhóm. Làm vào vở.</p> <p style="text-align: center;">Bài giải: Ta có: $31 : 3 = 10$ (dư 1) Vậy ta có thể may được nhiều nhất là 10 bộ quần áo và còn thừa 1m vải. Đáp số: 10 bộ quần áo, thừa 1m vải.</p>
---	--

Tiết: 70

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Chia số có hai chữ số cho số có một chữ số (tt)/71

I. Mục tiêu:

- Biết đặt tính và tính chia số có hai chữ số cho số có một chữ số (có dư ở các lượt chia).
- Biết giải toán có phép chia và biết xếp hình tạo thành hình vuông.
- Bài 3 dành cho HS giỏi.

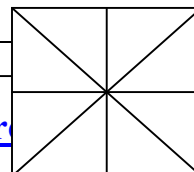
II. Chuẩn bị:

- 8 miếng bìa bằng nhau hình tam giác, hình vuông, xếp hình theo mẫu.

III. Các hoạt động dạy – học:

GV	HS	ĐC
<p>1. Ôn định: 2. Kiểm tra bài cũ: - Gọi 3 HS làm bảng lớp: $84:3$ $90:5$; $59:5$ - Chữa bài, GV nhận xét. 3. Bài mới: Giới thiệu bài + ghi bảng * GV nêu phép chia: $78 : 4$</p>	<p>-Hát</p> <p>3 HS lên bảng, lớp làm bảng con.</p> <p>Nhắc lại tựa bài.</p> <p>- HS đọc.</p>	

<p>- GV viết lên bảng phép tính: $78 : 4 = ?$ - Yêu cầu HS đặt tính và suy nghĩ tự thực hiện phép tính.</p> <p>Luyện tập - thực hành: Bài 1: GV nêu yêu cầu. - Xác định yêu cầu của bài, sau đó cho HS tự làm bài. - Yêu cầu HS nhận xét bài làm của bạn trên bảng. - GV kiểm tra, nhận xét. Bài 2: - GV nêu yêu cầu. - Yêu cầu HS tìm số bàn có 2 HS ngồi. - Hướng dẫn HS trình bày lời giải bài toán. - Cả lớp làm vở. - GV kiểm tra, nhận xét.</p> <p><i>Bài 3: Gọi HS đọc yêu cầu</i> - Gọi HS thi vẽ. - Nhận xét</p> <p>Bài 4: Nêu yêu cầu. - Tổ chức cho HS thi ghép hình nhanh giữa các tổ. Sau 2 phút, tổ nào có</p>	<p>- HS lên bảng đặt tính và tính. Cả lớp thực hiện đặt tính vào giấy nháp.</p> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin-bottom: 10px;"> <table style="border-collapse: collapse; margin: 0 auto;"> <tr> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 5px 10px 5px 10px;">78</td> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 5px 10px 5px 10px;">4</td> <td style="padding: 5px 10px 5px 10px;">7 chia 4 được 1,</td> </tr> <tr> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 5px 10px 5px 10px;">4</td> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 5px 10px 5px 10px;">19</td> <td style="padding: 5px 10px 5px 10px;">viết 1. 1 nhân 4</td> </tr> <tr> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 5px 10px 5px 10px;">38</td> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 5px 10px 5px 10px;"></td> <td style="padding: 5px 10px 5px 10px;">bằng 4; $7 - 4 = 3$.</td> </tr> <tr> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 5px 10px 5px 10px;">36</td> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 5px 10px 5px 10px;"></td> <td style="padding: 5px 10px 5px 10px;">Hạ 8 được 38; 38</td> </tr> <tr> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 5px 10px 5px 10px;">2</td> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 5px 10px 5px 10px;"></td> <td style="padding: 5px 10px 5px 10px;">Chia 4 bằng 9, viết 9. 9 nhân 4 bằng 36; 38 trừ 36 bằng 2.</td> </tr> </table> </div> <p>HS HĐ nhóm - Cả lớp làm vở nháp. - HS nhận xét.</p> <p>- HS HĐ nhóm. Bài giải: Ta có $33 : 2 = 16$ (dư 1) Số bàn có 2 HS ngồi là 16 bàn, còn 1 HS nữa nên cần kê thêm ít nhất là 1 bàn nữa. Vậy số bàn cần kê ít nhất là $16 + 1 = 17$ (bàn). Đáp số: 17 (bàn)</p> <p>1 HS 2 HS</p> <p>HS HĐ nhóm</p>	78	4	7 chia 4 được 1,	4	19	viết 1. 1 nhân 4	38		bằng 4; $7 - 4 = 3$.	36		Hạ 8 được 38; 38	2		Chia 4 bằng 9, viết 9. 9 nhân 4 bằng 36; 38 trừ 36 bằng 2.	<p>Khá, giỏi</p>
78	4	7 chia 4 được 1,															
4	19	viết 1. 1 nhân 4															
38		bằng 4; $7 - 4 = 3$.															
36		Hạ 8 được 38; 38															
2		Chia 4 bằng 9, viết 9. 9 nhân 4 bằng 36; 38 trừ 36 bằng 2.															



nhiều bạn ghép đúng nhất là tổ thắng cuộc. - Tuyên dương tổ thắng cuộc. 4. Củng cố, dặn dò: - Yêu cầu HS về nhà luyện tập thêm về phép chia số có hai chữ số cho số có một chữ số. - Nhận xét tiết học. - Chuẩn bị bài sau.		
---	--	--

TUẦN 15

Tiết: 71

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Chia số có ba chữ số cho số có một chữ số/72

I. Mục tiêu:

- Biết đặt tính và tính chia số có ba chữ số cho số có một chữ số (chia hết và chia có dư).

- Bài 1 cột 2 dành cho HS giỏi.

II. Chuẩn bị: Bảng phụ.

III. Hoạt động dạy học:

GV	HS	ĐC
<p>1. Ổn định</p> <p>2. Kiểm tra bài cũ:</p> <p>- Gọi 2 HS lên bảng làm bài tập.</p> $\begin{array}{r} 85 \\ 4 \overline{) 34} \\ \underline{32} \\ 24 \\ \underline{24} \\ 0 \end{array} ; \begin{array}{r} 99 \\ 4 \overline{) 99} \\ \underline{80} \\ 19 \\ \underline{16} \\ 3 \end{array}$ <p>- GV nhận xét.</p> <p>3. Bài mới: Giới thiệu bài+ghi bảng</p> <p>HD TH bài:</p> <p>* GV nêu phép chia: $648 : 3$</p> <p>- GV viết lên bảng phép tính:</p> $648 : 3 = ?$ <p>- Yêu cầu HS đặt tính theo cột dọc và suy nghĩ tự thực hiện phép tính.</p>	<p>Hát</p> <p>- 2 HS lên bảng, lớp theo dõi, nhận xét.</p> <p>Nhắc lại.</p> <p>- HS đọc.</p> <p>- HS lên bảng đặt tính và tính. Cả lớp thực hiện đặt tính vào giấy nháp.</p> $\begin{array}{r} 648 \\ 3 \overline{) 648} \\ \underline{6} \\ 04 \\ \underline{03} \\ 18 \\ \underline{18} \\ 0 \end{array}$ <p>6 chia 3 được 2, viết 2.</p> $\begin{array}{r} 6 \\ 3 \overline{) 216} \\ \underline{6} \\ 16 \\ \underline{15} \\ 16 \\ \underline{15} \\ 1 \end{array}$ <p>2 nhân 3 bằng 6; $6 - 6 =$</p>	

<p>* GV nêu phép chia: $235 : 5$</p> <p>- Tiến hành các bước tương tự như phép tính $648 : 3 = 216$.</p> <p style="text-align: center;">Luyện tập - thực hành:</p> <p>Bài 1: GV nêu yêu cầu</p> <p>- Xác định yêu cầu của bài, sau đó cho HS tự làm bài.</p> <p>- Nhận xét.</p> <p>-Cột 2 gọi HS làm bảng lớp.</p> <p>- GV kiểm tra, nhận xét</p> <p>Bài 2:</p> <p>- GV nêu yêu cầu.</p> <p>- Yêu cầu HS tự làm bài.</p> <p>- GV kiểm tra, nhận xét.</p> <p>Bài 3:</p> <p>- GV treo bảng phụ có sẵn bài mẫu và hướng dẫn HS tìm hiểu bài mẫu.</p> <p>+ Số đã cho là số nào?</p> <p>+ Giảm đi 8 lần ta thực hiện phép tính gì?</p> <p>+ Giảm đi 6 lần ta thực hiện phép tính gì?</p> <p>- Yêu cầu HS làm tiếp bài tập.</p> <p>- GV kiểm tra và nhận xét.</p>	<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin-bottom: 10px;"> $\begin{array}{r} 04 \\ 3 \\ \hline 18 \\ 18 \\ \hline 0 \end{array}$ </div> <p>0. Hạ 4 ; 4 ch a 3 bằng 1, viết 1. 1 nhân 3 bằng 3; 4 trừ 3 bằng 1. Hạ 8, được 18; 18 chia 3 được 6; 6 nhân 3 bằng 18; 18 trừ 18 bằng 0.</p> <p>- HS tự làm.</p> <p>HS làm bảng con.</p> <p>- HS HĐ nhóm. - Vở nháp</p> <p>2 HS</p> <p>HS HĐ nhóm Lớp làm vào vở.</p> <p style="text-align: center;">Bài giải Số hàng có tất cả là: $234 : 9 = 26$ (hàng) Đáp số: 26 hàng</p> <p>- HS đọc bài mẫu và trả lời theo các câu hỏi của GV..</p> <p>- 432 m</p> <p>- Chia $432 \text{ m} : 8 = 54 \text{ m}$</p> <p>- Chia $432 \text{ m} : 6 = 72 \text{ m}$</p> <p>- HS HĐ nhóm làm vào vở nháp.</p>	<p>HS giỏi</p>
--	--	----------------

<p>4. Củng cố, dặn dò:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS về nhà luyện tập thêm về phép chia số có hai chữ số cho số có một chữ số. - Nhận xét tiết học. - Chuẩn bị bài sau. 	
---	--

Tiết: 72

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Chia số có ba chữ số cho số có một chữ số(tt)/73

I. Mục tiêu:

- Biết đặt tính và tính chia số có ba chữ số cho số có một chữ số với trường hợp thương có chữ số 0 ở hàng đơn vị.
- Bài 1 cột 3 dành cho HS giỏi.

II. Chuẩn bị:Bảng phụ.

III. Hoạt động dạy học:

GV	HS	ĐC
<p>1. Ôn định:</p> <p>2. Kiểm tra bài cũ</p> <p>- Cho HS làm bài tập:</p> $\begin{array}{r} 872 \overline{)4} \quad 390 \overline{)6} \\ \underline{4} \\ 47 \\ \underline{40} \\ 70 \\ \underline{70} \\ 0 \\ 0 \end{array}$ <p>- GV nhận xét.</p> <p>3. Bài mới:Giới thiệu bài + ghi bảng</p> <p><i>Hướng dẫn tìm hiểu bài</i></p> <p>* Nêu phép chia $560 : 8$ (Phép chia hết)</p> <p>- GV viết lên bảng $560 : 8 = ?$</p> <p>- Yêu cầu HS đặt tính theo cột dọc.</p> <p>- Yêu cầu HS cả lớp suy nghĩ và tự thực hiện phép tính.</p> <p>* Nêu phép chia $632 : 7$</p> <p>- Tiến hành các bước tương tự như với phép chia $560 : 8 = 70$.</p> <p>Luyện tập- thực hành</p> <p>Bài 1:cột 1,2,4 GV nêu yêu cầu</p> <p>- Xác định yêu cầu của bài,sau đó cho HS tự làm.</p> <p>- GV kiểm tra và nhận xét.</p>	<p>Hát</p> <p>- 2 HS lên bảng.</p> <p>Nhắc lại.</p> <p>- 1 HS đọc.</p> <p>- 1 HS lên bảng đặt tính, - HS cả lớp thực hiện đặt tính vào giấy nháp.</p> <p>HS HĐ nhóm</p> <p>- HS theo dõi và làm bài vào vở nháp.</p>	

<p>-Cột 3 gọi HS làm bảng lớp. - Nhận xét. Bài 2:- GV nêu yêu cầu. - Yêu cầu HS tự làm bài. - GV kiểm tra và nhận xét.</p> <p>Bài 3. -GV nêu yêu cầu. -GV h.dẫn bài mẫu</p> <p>- Gọi HS nêu kết quả - GV nhận xét</p> <p>4. Củng cố dặn dò - Yêu cầu HS về nhà luyện tập thêm về phép chia số có ba chữ số cho số có một chữ số. - Nhận xét tiết học. - Chuẩn bị bài sau.</p>	<p>- 6 HS lên bảng làm, cả lớp làm vào vở nháp. HS HĐ nhóm Làm vào vở. Bài giải: Ta có: $365 : 7 = 52$ (dư 1) Vậy năm đó có 52 tuần lễ và 1 ngày. Đáp số: 52 tuần lễ và 1 ngày.</p> <p>HS HĐ nhóm -Phép chia $185 : 6 = 30$ (dư 5) là đúng -Phép chia $283 : 7 = 4$ (dư 3) là sai</p>	<p>HS giỏi</p>
---	--	----------------

Tiết :73

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Giới thiệu bảng nhân/74

I. Mục tiêu:

 Biết cách sử dụng bảng nhân.

II. Chuẩn bị:

 Bảng phụ

III. Hoạt động dạy học:

GV	HS	ĐC
<p>1. Ôn định:</p> <p>2.Kiểm tra bài cũ - Gọi HS nêu một số phép nhân. - Giáo viên nhận xét.</p> <p>3. Bài mới:Giới thiệu bài + ghi bảng <i>Hướng dẫn tìm hiểu bài</i> * Giới thiệu bảng nhân. - GV treo bảng nhân như SGK lên bảng.</p>	<p>Hát</p> <p>4 HS</p> <p>Nhắc lại</p>	

<p>- Yêu cầu HS đếm số hàng, số cột trong bảng.</p> <p>- Yêu cầu HS đọc các số trong hàng, cột đầu tiên của bảng.</p> <p>- Yêu cầu HS đọc hàng thứ ba trong bảng.</p> <p>- Các số vừa học xuất hiện trong bảng nhân nào đã học?</p> <p>- GV kết luận:</p> <p>*Hướng dẫn sử dụng bảng nhân</p> <p>- Hướng dẫn HS tìm kết quả của phép nhân 3×4.</p> <p>- Yêu cầu HS thực hành tìm tích của một số cặp số khác.</p> <p>Luyện tập- thực hành</p> <p>Bài 1: GV nêu mục tiêu</p> <p>- Nêu yêu cầu của bài toán và yêu cầu HS làm bài.</p> <p>- Yêu cầu 4 HS nêu lại cách tìm tích của 4 phép tính trong bài.</p> <p>- GV kiểm tra và nhận xét.</p> <p>Bài 2: GV nêu yêu cầu</p> <p>- Hướng dẫn HS làm bài tương tự như bài tập 1.</p> <p>- Hướng dẫn HS sử dụng bảng nhân để tìm một thừa số khi biết tích và thừa số kia.</p> <p>- GV kiểm tra, nhận xét</p> <p>Bài 3:</p> <p>- GV nêu yêu cầu.</p> <p>- Yêu cầu HS tự làm bài.</p> <p>- GV kiểm tra và nhận xét.</p> <p>4. củng cố dặn dò:</p> <p>- Yêu cầu HS về nhà luyện tập thêm về các</p>	<p>- Bảng có 11 hàng và 11 cột.</p> <p>- Đọc các số: 1, 2,3,..., 10.</p> <p>- Đọc số: 2, 4, 6, 8, 10,..., 20.</p> <p>- Các số trên chính là kết quả của các phép tính trong bảng nhân 2.</p> <p>- HS thực hành.</p> <p>- Một số HS lên tìm trước lớp.</p> <p>HS HĐ nhóm</p> <p>Làm vở nháp</p> <p>- HS tự tìm tích trong bảng nhân, sau đó điền vào ô trống.</p> <p>HS HĐ nhóm</p> <p>- 1 HS lên bảng làm bài, HS cả lớp làm bài vào vở bài tập.</p> <p>- HS HĐ nhóm.</p> <p>HS cả lớp làm bài vào vở bài tập.</p> <p style="text-align: center;">Giải:</p> <p>Số huy chương bạc là: $8 \times 3 = 24$ (tám)</p> <p>Tổng số huy chương là: $8 + 24 = 32$ (tám)</p> <p>Đáp số 32 tám huy chương</p>
---	--

phép nhân đã học. - Nhận xét tiết học. - Chuẩn bị bài sau.		
--	--	--

Tiết: 74

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Giới thiệu bảng chia/75

I. Mục tiêu:

- Biết cách sử dụng bảng chia.
- Bài 4 dành cho HS giỏi.

II. Chuẩn bị:

- Bảng chia như trong SGK.

III. Hoạt động dạy học:

GV	HS	ĐC
<p>1. Ôn định</p> <p>2. Kiểm tra bài cũ</p> <ul style="list-style-type: none">- Gọi HS đọc một số phép chia.- Giáo viên nhận xét. <p>3. Bài mới: Giới thiệu bài + ghi bảng</p> <p><i>Hướng dẫn tìm hiểu bài</i></p> <ul style="list-style-type: none">* Giới thiệu bảng chia.- GV treo bảng chia như trong SGK lên bảng.- Yêu cầu HS đếm số hàng, số cột trong bảng.- Yêu cầu HS đọc các số trong hàng, cột đầu tiên của bảng.- Yêu cầu HS đọc hàng thứ ba trong bảng.- Các số vừa học xuất hiện trong bảng chia nào đã học?- GV kết luận:* Hướng dẫn sử dụng bảng chia- Hướng dẫn HS tìm kết quả của phép chia $12 : 4$.- Yêu cầu HS thực hành tìm thương của một số phép tính trong bảng.	<p>Hát</p> <p>Vài HS</p> <p>Nhắc lại.</p> <ul style="list-style-type: none">- HS lắng nghe.- Bảng có 11 hàng và 11 cột, ở góc của bảng có dấu chia..- Đọc các số: 1, 2, 3, ..., 10.- Đọc số: 2, 4, 6, 8, 10, ..., 20.- Các số trên chính là số bị chia của các phép tính trong bảng chia 2.- Một số HS thực hành sử dụng bảng chia để tìm thương.	

<p>Luyện tập- thực hành</p> <p>Bài 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Nêu yêu cầu của bài toán và yêu cầu HS làm bài.- Kiểm tra và nhận xét. <p>Bài 2: GV nêu yêu cầu</p> <ul style="list-style-type: none">- Hướng dẫn HS sử dụng bảng chia để tìm số bị chia hoặc số chia.- GV kiểm tra và nhận xét. <p>Bài 3:</p> <ul style="list-style-type: none">- GV nêu yêu cầu.- Yêu cầu HS tự làm bài. <ul style="list-style-type: none">- GV kiểm tra và nhận xét. <p>Bài 4: nêu yêu cầu.</p> <ul style="list-style-type: none">- Cho HS thi đua xếp hình.- Nhận xét. <p>4. củng cố - dặn dò:</p> <ul style="list-style-type: none">- Yêu cầu HS về nhà luyện tập thêm về các phép chia đã học.- Nhận xét tiết học.- Chuẩn bị bài sau.	<p>HS HĐ nhóm</p> <ul style="list-style-type: none">- HS cả lớp làm bài vào vở bài tập, sau đó 1 số HS lên bảng nêu cách tìm thương của mình. <p>HS HĐ nhóm</p> <ul style="list-style-type: none">- HS theo dõi.- HS làm vở nháp. <ul style="list-style-type: none">- HS HĐ nhóm.- Cả lớp làm bài vào vở bài tập. <p style="text-align: center;">Giải:</p> <p>Số trang sách Minh đã đọc là: $132 : 4 = 33$ (trang)</p> <p>Số trang sách Minh còn phải đọc nữa là: $132 - 33 = 99$ (trang)</p> <p style="text-align: center;">Đáp số :99 trang</p> <p>3 HS</p>	<p>HS giỏi.</p>
---	---	-----------------

Tiết: 75

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Luyện tập/76

I. Mục tiêu:

- Biết làm tính nhân, tính chia (bước đầu làm quen với cách viết gọn) và giải toán có hai phép tính.

- Bài 1b, 2d, bài 5 dành cho HS giỏi.

II. Chuẩn bị: Bảng phụ

III. Hoạt động dạy học:

GV	HS	ĐC
<p>1. Ôn định:</p> <p>2. Kiểm tra bài cũ</p> <p>- Cho HS nêu một số phép nhân ,chia.</p> <p>- GV nhận xét.</p> <p>3. Bài mới:Giới thiệu bài + ghi bảng</p> <p><i>Hướng dẫn tìm hiểu bài</i></p> <p>Bài 1:</p> <p>- Yêu cầu HS nhắc lại cách đặt tính và thực hiện phép tính nhân số có ba chữ số với số có một chữ số.</p> <p>- Yêu cầu HS lên bảng làm bài và lần lượt nêu rõ từng bước tính của mình.</p> <p>- <i>Câu b gọi HS làm bảng lớp.</i></p> <p>Bài 2:</p> <p>- Hướng dẫn HS đặt tính, sau đó nêu yêu cầu: Chia nhẩm, mỗi lần chia chỉ viết số dư không viết tích của thương và số chia. Yêu cầu HS tự làm tiếp các phần còn lại.</p> <p>- Cho HS làm vở nháp.</p> <p>- <i>Câu d gọi HS làm bảng lớp.</i></p> <p>Bài 3:</p> <p>- GV nêu yêu cầu.</p> <p>- Yêu cầu HS làm bài.</p> <p>- GV kiểm tra nhận xét</p> <p>Bài 4:</p> <p>- GV nêu yêu cầu.</p> <p>- Yêu cầu HS làm bài.</p>	<p>Hát</p> <p>- 4 HS</p> <p>Nhắc lại.</p> <p>- HS nhắc lại.</p> <p>- 2 HS lên bảng làm bài, lớp làm vào vở</p> <p>1 HS</p> <p>- HS cả lớp thực hành chia theo hướng dẫn.</p> <p>1 HS</p> <p>- HS HĐ nhóm.</p> <p>- Lớp quan sát sơ đồ và xác định quãng đường AB, BC, AC.</p> <p>- HS cả lớp làm bài vào vở.</p> <p style="text-align: center;">Giải</p> <p>Quãng đường BC dài là: $172 \times 4 = 688 \text{ (m)}$</p> <p>Quãng đường AC dài là: $172 + 688 = 860 \text{ (m)}$</p> <p style="text-align: center;">Đáp số 860 mét</p> <p>- HS HĐ nhóm.</p> <p>- HS làm bài vào vở.</p> <p>Số chiếc áo len đã dệt là:</p>	<p>HS giỏi.</p> <p>HS giỏi</p>

<p>- Kiểm tra và nhận xét.</p> <p><i>Bài 5: Đọc yêu cầu</i></p> <p>- Gọi HS nêu kết quả.</p> <p>- Nhận xét.</p> <p>4. Củng cố, dặn dò:</p> <p>- Yêu cầu HS về nhà luyện tập thêm về nhân chia số có ba chữ số với số có một chữ số.</p> <p>- Nhận xét tiết học.</p> <p>- Chuẩn bị bài sau.</p>	<p>$450 : 5 = 90$ (chiếc áo)</p> <p>Số chiếc áo len còn phải dệt là:</p> <p>$450 - 90 = 360$ (chiếc áo)</p> <p>Đáp số: 360 chiếc áo.</p> <p>1 HS</p> <p>2 HS</p>	HS giỏi
---	--	---------

TUẦN 16

Tiết: 76

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Luyện tập chung/77

I- Mục tiêu

- Biết làm tính và giải toán có hai phép tính.
- *Bài 4 cột 3, 5 và bài 5 dành cho HS giỏi.*

II- Chuẩn bị

GV : Bảng phụ- Phiếu HT

III- Các hoạt động dạy học chủ yếu

GV	HS	ĐC										
<p>1/ Ổn định:</p> <p>2/Bài mới: Giới thiệu bài, nêu tựa bài.</p> <p>Luyện tập:</p> <p>* <i>Bài 1: nêu yêu cầu.</i></p> <p>- Kiểm tra, nhận xét.</p>	<p>- Hát</p> <p>- HS HĐ nhóm</p> <p>- HS tự làm vào SGK.</p> <table border="1" style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <tr> <td>Thừa số</td> <td>324</td> <td>3</td> <td>150</td> <td>4</td> </tr> <tr> <td>Thừa số</td> <td>3</td> <td>324</td> <td>4</td> <td>150</td> </tr> </table>	Thừa số	324	3	150	4	Thừa số	3	324	4	150	
Thừa số	324	3	150	4								
Thừa số	3	324	4	150								

<p>* <i>Bài 2: nêu yêu cầu.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Lớp làm vào phiếu BT - Kiểm tra, nhận xét bài làm của HS. <p>* <i>Bài 3: GV nêu yêu cầu.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho HS làm bài. - Kiểm tra, nhận xét bài làm của HS <p>* <i>Bài 4 (làm cột 1, 2, 4)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thêm một số đơn vị ta thực hiện phép tính gì? - Gấp một số lần ta thực hiện phép tính gì? - Bớt đi một số đơn vị ta thực hiện phép tính gì? - Giảm đi một số lần ta thực hiện phép tính gì? - GV chữa bài, nhận xét - <i>Cột 3,5 gọi HS làm nhanh, nêu kết quả.</i> <p><i>Bài 5: Gọi HS đọc đề.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho HS thi đua. - Nhận xét. <p>3/ Củng cố, dặn dò:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Muốn gấp một số lên nhiều lần ta làm ntn? - Muốn giảm một số đi nhiều lần ta làm ntn? <p>Ôn lại bài.</p>	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse; margin-bottom: 10px;"> <tr> <td style="text-align: center;">số</td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">Tích</td> <td style="text-align: center;">972</td> <td style="text-align: center;">972</td> <td style="text-align: center;">600</td> <td style="text-align: center;">600</td> </tr> </table> <p>HS HĐ nhóm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lớp làm phiếu HT <p>HS HĐ nhóm</p> <p>Làm vở.</p> <p style="text-align: center;"><i>Bài giải</i></p> <p style="text-align: center;"><i>Số máy bơm đã bán là:</i></p> <p style="text-align: center;">$36 : 9 = 4(\text{chiếc})$</p> <p style="text-align: center;"><i>Số máy bơm còn lại là:</i></p> <p style="text-align: center;">$36 - 4 = 32(\text{chiếc})$</p> <p style="text-align: center;"><i>Đáp số: 32 chiếc máy bơm.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Phép cộng - Phép nhân - Phép trừ - Phép chia <ul style="list-style-type: none"> - HS làm vào phiếu HT <p>2 HS</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nêu <p>2 HS</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nêu 	số					Tích	972	972	600	600
số											
Tích	972	972	600	600							

Tiết :77

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Làm quen với biểu thức/78

I- Mục tiêu

- Làm quen với biểu thức và giá trị của biểu thức

- Biết tính giá trị của biểu thức đơn giản

II- Chuẩn bị

GV : Bảng phụ- Phiếu HT

III- Các hoạt động dạy học chủ yếu

GV	HS	ĐC
<p>1/ Ôn định:</p> <p>2/ Bài mới: Giới thiệu bài, nêu tựa bài</p> <p>a) <i>HD 1: GT biểu thức</i></p> <ul style="list-style-type: none">- GV ghi bảng $126 + 51$- GV nói: 126 cộng 51 được gọi là một biểu thức.- GV ghi tiếp các biểu thức còn lại và giới thiệu như biểu thức 1.- GV KL: Biểu thức là một dãy các số, dấu phép tính viết xen kẽ với nhau. <p>b) <i>HD 2: GT về giá trị biểu thức.</i></p> <ul style="list-style-type: none">- GV yêu cầu HS tính: $126 + 51 = ?$- Vậy 177 là giá trị của biểu thức $126 + 51$ <p>Tương tự yêu cầu HS tính giá trị các biểu thức còn lại và nhận biết giá trị của biểu thức.</p> <p>c) <i>HD 3: Luyện tập</i></p> <p>* <i>Bài 1:</i></p> <ul style="list-style-type: none">- Đọc đề?- GV hướng dẫn bài mẫu <p>$284 + 10 = 294$</p> <p>Giá trị của biểu thức $284 + 10$ là 294</p> <ul style="list-style-type: none">- Gọi 4 HS làm trên bảng- Chữa bài, nhận xét bài làm của HS <p>* <i>Bài 2:</i></p> <ul style="list-style-type: none">- Treo bảng phụ- Yêu cầu HS tính giá trị của từng biểu thức và nối biểu thức với KQ đúng.- Gọi HS sửa bài.- Chữa bài, nhận xét bài làm của HS. <p>3/ Củng cố, dặn dò:</p> <ul style="list-style-type: none">- Thế nào là biểu thức? Giá trị của biểu thức? <p>* Dặn dò: Ôn lại bài.</p>	<ul style="list-style-type: none">- Hát - HS đọc - HS tính $126 + 51 = 177$- HS đọc - HS đọc<p>$284 + 10$ là 294</p>- Lốp làm vở - HS làm phiếu HT- HS chữa bài - HS nêu	

Tiết: 78

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tính giá trị của biểu thức/79.

I- Mục tiêu

- Biết tính giá trị của biểu thức dạng chỉ có phép cộng, phép trừ hoặc chỉ có phép nhân, chia
- Áp dụng được việc tính giá trị của biểu thức vào dạng BT điền dấu "=", "<", ">".
- Bài 4 dành cho HS giỏi.

II- Chuẩn bị

GV : Bảng phụ- Phiếu HT

III- Các hoạt động dạy học chủ yếu

GV	HS	ĐC
<p>1/ Ôn định:</p> <p>2/ Bài mới:Giới thiệu bài,nêu tựa bài</p> <p>a) HD 1: HD tính GTBT chỉ có các phép tính cộng, trừ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ghi bảng $60 + 20 - 5$ - Yêu cầu HS tính? - Nêu cách thực hiện? <p>b) HD 2: HD tính GTBT chỉ có các phép tính nhân, chia.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ghi bảng $49 : 7 \times 5$ - Yêu cầu HS tính? - Nêu thứ tự thực hiện ? <p>c) HD 3: Luyện tập</p> <p>* Bài 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - BT yêu cầu gì? - Gọi 2 HS làm trên bảng 	<ul style="list-style-type: none"> - Hát - HS đọc biểu thức $60 + 20 - 5 = 80 - 5$ $= 75$ - Thực hiện từ trái sang phải. - HS đọc biểu thức và tính GTBT $49 : 7 \times 5 = 7 \times 5$ $= 35$ - Thực hiện từ trái sang phải - Tính giá trị biểu thức - Lớp làm phiếu HT $205 + 60 + 3 = 265 + 3$ $= 268$ $387 - 7 - 80 = 380 - 80$ $= 300$ - 	
<p>GV kiểm tra, nhận xét</p>		

<p>* Bài 2: HD tương tự bài 1</p> <p>* Bài 3:GV nêu yêu cầu</p> <p>- Cho HS làm vở.</p> <p>- GV kiểm tra, nhận xét bài làm HS</p> <p><i>Bài 4:Gọi HS đọc đề bài.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS lên làm bảng lớp. - Nhận xét, sửa bài. <p>3/ Củng cố, dặn dò:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu cách tính giá trị của biểu thức? - Dặn dò: Ôn lại bài 	<p>HS hoạt động nhóm</p> <ul style="list-style-type: none"> - BT yêu cầu gì?-Điền dấu >; <; = - Muốn so sánh được hai biểu thức làm thế nào ? - Tính giá trị từng biểu thức. $55 : 5 \times 3 < 32$ $47 = 84 - 34 - 3$ $20 + 5 < 40 : 2 + 6$ <p>- 1 HS. Cả lớp vở nháp</p>	<p>HS giỏi.</p>
--	---	-----------------

Tiết :79

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tính giá trị của biểu thức (tiếp theo)/80.

I- Mục tiêu

- Biết cách tính giá trị của biểu thức có các phép tính cộng, trừ, nhân, chia.
- Áp dụng được cách tính giá trị của biểu thức để xác định giá trị đúng, sai của biểu thức.
- Bài 4 dành cho HS giỏi.

II- Chuẩn bị

GV : Bảng phụ- Phiếu HT

III- Các hoạt động dạy học chủ yếu

GV	HS	ĐC
<p>1/ Ổn định:</p> <p>2/ Kiểm tra bài cũ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong biểu thức chỉ có phép tính cộng, trừ hoặc nhân, chia ta thực hiện tính ntn? - Nhận xét. <p>3/ Bài mới:Giới thiệu bài</p> <p>a) HD thực hiện tính GTBT có các phép tính cộng, trừ, nhân, chia.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ghi bảng $60 + 35 : 5$ - Yêu cầu HS tính GTBT 	<ul style="list-style-type: none"> - Hát - 2- 3 HS nêu - Nhận xét - HS đọc . - làm bảng con. 	

<p>- GV nhận xét và KL: Khi tính GTBT có các phép tính cộng, trừ, nhân, chia thì ta thực hiện phép tính nhân, chia trước, thực hiện phép tính cộng, trừ sau.</p> <p><i>b) HĐ 2: Thực hành</i></p> <p>* <i>Bài 1</i>: - BT yêu cầu gì? - Nêu cách tính GTBT?</p> <p>- Chữa bài, nhận xét.</p> <p>* <i>Bài 2</i>: HS nêu yêu cầu - GV đi kiểm tra các nhóm. - GV nhận xét.</p> <p>* <i>Bài 3</i>: GV nêu yêu cầu - Cho HS làm vở. - GV kiểm tra, nhận xét các nhóm</p> <p><i>Bài 4. Nêu yêu cầu. Thực hiện trên vở nháp</i> - GV kiểm tra. Nhận xét các nhóm</p> <p>4/ Củng cố, dặn dò: - Nêu quy tắc tính GTBT? - Dặn dò: Ôn lại bài.</p>	<p>- HS đọc quy tắc</p> <p>- HS nêu</p> <p>- HS nêu và làm phiếu HT</p> $41 \times 5 - 100 = 205 - 100$ $= 105$ $93 - 48 : 8 = 93 - 6$ $= 87$ <p>HS làm tương tự các bài còn lại</p> <p>HS hoạt động nhóm</p> <p>- HS đọc- làm nháp rồi điền Đ, S</p> <p>- HS hoạt động nhóm. - HS tự phân tích đề</p> <p style="text-align: center;"><i>Bài giải</i></p> <p>Cả mẹ và chị hái được số táo là: $60 + 35 = 95$ (quả)</p> <p>Mỗi hộp có số táo là: $95 : 5 = 19$ (quả)</p> <p>Đáp số: 19 quả táo.</p> <p>Hoạt động nhóm Nhóm trưởng nêu yêu cầu đề bài.</p> <p>- HS nêu</p>	<p>HS giỏi</p>
---	--	----------------

Tiết: 80

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Luyện tập/81

I- Mục tiêu

- Biết tính giá trị của biểu thức các dạng: chỉ có phép cộng, phép trừ; chỉ có phép nhân, phép chia; có các phép cộng, trừ, nhân, chia.

- Bài 4 dành cho HS giỏi.

II- Chuẩn bị

GV : Bảng phụ- Phiếu HT

III- Các hoạt động dạy học chủ yếu

GV	HS	ĐC
<p>1/ Ôn định:</p> <p>2/ Kiểm tra bài cũ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu quy tắc tính giá trị biểu thức? - Nhận xét, nhận xét. <p>3/Bài mới:Giới thiệu bài,nêu tựa bài. Luyện tập: * Bài 1:GV nêu yêu cầu</p> <p>HS thực hiện trên phiếu</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV kiểm tra. Nhận xét các nhóm <p>* Bài 2: Tương tự bài 1 Cho HS làm vở sau đó GV kiểm tra nhận xét.</p> <p>* Bài 3: Tương tự bài 1 GV viên cho học sinh làm vở nháp sau đó kiểm tra, nhận xét.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài 4.Nêu yêu cầu. - Cho HS thi đua. - Nhận xét. <p>4/ Củng cố, dặn dò:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá bài làm của HS * Dặn dò: Ôn lại bài. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hát - 2 - 3HS nêu - Nhận xét. <p>HS động nhóm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc đề? - Biểu thức có dạng nào? Nêu cách tính? - Làm phiếu HT <p>a) $125 - 85 + 80 = 40 + 80 = 120$ $21 \times 2 \times 4 = 42 \times 4 = 168$</p> <p>b) $68 + 32 - 10 = 100 - 10 = 90$ $147 : 7 \times 6 = 21 \times 6 = 126$</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS làm vở <p>Còn lại làm vở nháp</p> <p>Bảng lớp 3 HS</p>	<p>HS giỏi</p>

TUẦN 17

Tiết: 81

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tính giá trị biểu thức (Tiếp theo)/81

A- Mục tiêu

Biết tính giá trị của biểu thức có dấu ngoặc () và ghi nhớ quy tắc tính giá trị của biểu thức dạng này

B- Chuẩn bị

GV : Bảng phụ - Phiếu HT.

C - Các hoạt động dạy học chủ yếu

GV	HS	ĐC
1/ Ôn định:	- Hát - Kiểm tra sự chuẩn bị các nhóm	
2/ Bài mới: Giới thiệu bài,nêu tựa bài. <i>a) HĐ 1: HD tính GTBT có dấu ngoặc đơn.</i>		

<p>- Ghi bảng $(30 + 5) : 5$</p> <p>- HD HS tính GT biểu thức trên?</p> <p>- GV KL: <i>Khi tính giá trị của biểu thức có dấu ngoặc thì ta thực hiện các phép tính trong ngoặc đơn trước, ngoài ngoặc đơn sau.</i></p> <p>- Ghi bảng biểu thức $3 \times (20 - 10)$</p> <p>- Yêu cầu HS áp dụng quy tắc để tính GTBT</p> <p>- Nhận xét.</p> <p><i>b) HĐ 2: Luyện tập</i></p> <p>* <i>Bài 1.</i> HS HĐ cá nhân trong nhóm</p> <p>- Nêu yêu cầu BT ?</p> <p>- Nêu cách tính?</p> <p>- Kiểm tra, nhận xét.</p> <p>* <i>Bài 2 / 82</i></p> <p>- GV HD HS làm tương tự bài 1</p> <p>- Kiểm tra, nhận xét.</p> <p>* <i>Bài 3:</i> HS HĐ nhóm</p>	<p>- HS tính và nêu KQ</p> $(30 + 5) : 5 = 35 : 5$ $= 7$ <p>- HS đọc</p> <p>- HS làm nháp, nêu cách tính và KQ</p> $3 \times (20 - 10) = 3 \times 10$ $= 30$ <p>Nhóm trưởng HĐ</p> <p>- Tính giá trị biểu thức.</p> <p>- HS nêu và tính vào phiếu HT</p> <p style="text-align: center;">Bài giải.</p> $25 - (20 - 10) = 25 - 10$ $= 15$ $80 - (30 + 25) = 80 - 55$ $= 25$ $125 + (13 + 7) = 125 + 20$ $= 145$ $416 - (25 - 11) = 416 - 14$ $= 402$ <p>- HS làm nháp - 4 HS chữa bài</p> $(65 + 15) \times 2 = 80 \times 2$ $= 160$ $48 : (6 : 3) = 48 : 2$ $= 24$ $(74 - 14) : 2 = 60 : 2$ $= 30$ $81 : (3 \times 3) = 81 : 9$ $= 9$ <p>Nhóm trưởng HĐ</p> <p>- Gọi HS đọc đề.</p> <p>- Gọi HS phân tích đề</p>
---	---

<ul style="list-style-type: none"> - Chữa bài(Y/C HS tìm cách giải khác), - Kiểm tra, nhận xét. 3/ Củng cố, dặn dò: - Nêu quy tắc tính GTBT có dấu ngoặc đơn? - Dặn dò: Ôn lại bài. 	<ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS khác phân tích lại đề - Lốp làm vở <p style="text-align: center;"><i>Bài giải</i></p> <p style="text-align: center;"><i>Mỗi chiếc tủ có số sách là:</i> $240 : 2 = 120(\text{ quyển})$</p> <p style="text-align: center;"><i>Mỗi ngăn có số sách là:</i> $120 : 4 = 30(\text{ quyển})$</p> <p style="text-align: center;"><i>Đáp số: 30 quyển.</i></p>
--	--

Tiết: 82

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Luyện tập/82

A- Mục tiêu

- Biết tính giá trị của biểu thức có ngoặc ().
- Áp dụng được việc tính giá trị của biểu thức vào dạng bài tập điền dấu “=”, “<”, “>”.
- Bài 3 dòng 2 dành cho HS giỏi.

B- Chuẩn bị: GV : Bảng phụ- Phiếu HT

C- Các hoạt động dạy học chủ yếu

GV	HS	ĐC
<p>1/ Ôn định:</p> <p>2/ Kiểm tra:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu quy tắc tính GTBT có dấu ngoặc đơn? - Nhận xét. <p>3/ Bài mới:Giới thiệu bài,nêu tựa bài.</p> <p>* Bài 1:HS HĐ cá nhân trong nhóm</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hát Kiểm tra sự chuẩn bị các nhóm <p>2 - 3HS đọc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét <p>Nhóm trưởng HĐ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu yêu cầu BT(Tính giá trị của biểu thức) - Biểu thức có dạng nào? Cách tính? - Làm phiếu HT 	

<p>- Kiểm tra, nhận xét. * Bài 2. - Tương tự bài 1 - Kiểm tra, nhận xét. * Bài 3(dòng 1):HS HĐ cá nhân trong nhóm</p> <p>- Cho HS làm vào SGK. - Dòng 2 gọi 2 HS làm - Kiểm tra, nhận xét. * Bài 4: - Y/ C HS tự xếp hình. - Chữa bài. 4/ Củng cố, dặn dò: Nhắc lại qui tắc.</p>	<p>- Đổi phiếu kiểm tra.</p> <p>- HS làm vở.</p> <p>- Nêu yêu cầu BT (Điền dấu >, <, = vào chỗ trống). - Để điền được dấu ta cần làm gì? + Ta cần tính GTBT trước sau đó mới so sánh GTBT với số</p> <p>- Làm bảng con. - Bảng lớp.</p> <p>- HS tự xếp hình</p>	<p>HS giỏi</p>
--	---	----------------

Tiết: 83

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Luyện tập chung/83

A- Mục tiêu

- Biết tính giá trị của biểu thức ở cả 3 dạng
- Dòng 2 bài tập 2, 3 dành cho HS giỏi.

B- Chuẩn bị

GV : Bảng phụ- Phiếu HT

C- Các hoạt động dạy học chủ yếu

GV	HS	ĐC
<p>1/ Ôn định:</p> <p>2/ Bài mới:Giới thiệu bài,nêu tựa bài. Luyện tập: * Bài 1/ 83 - Nêu yêu cầu BT ?</p>	<p>- Hát Kiểm tra sự chuẩn bị các nhóm</p> <p>- Tính giá trị của biểu thức</p>	

<p>- Biểu thức có dạng nào? Nêu cách tính? - Nhận xét. * Bài 2. (dòng 1) HS HĐ cá nhân trong nhóm. - Cho HS làm vở nháp.</p> <p>- Gọi HS làm bảng lớp. - Kiểm tra, nhận xét. Bài 3. (dòng 1) HS HĐ cá nhân trong nhóm. - Cho HS làm phiếu BT. - Kiểm tra, nhận xét.</p> <p>- Gọi HS làm bảng lớp * Bài 4:- Muốn nối được biểu thức với số ta làm ntn? - Cho 3 dãy thi đua. - Nhận xét, tuyên dương nhóm làm nhanh và đúng. * Bài 5:- HS HĐ nhóm</p> <p>- Nhận xét (Y/C HS tự tìm cách giải khác). - Kiểm tra, nhận xét. 3/ Củng cố, dặn dò: - Nêu cách tính (các dạng) GTBT ? * Dặn dò: Ôn lại bài</p>	<p>- HS nêu- Làm phiếu HT - HS làm vở- 2 HS chữa bài Nhóm trưởng HĐ</p> <p style="padding-left: 40px;">a) $15 + 7 \times 8 = 15 + 56$ $= 71$</p> <p style="padding-left: 40px;">b) $90 + 28 : 2 = 90 + 14$ $= 104$</p> <p>2 HS</p> <p>Nhóm trưởng HĐ</p> <p style="padding-left: 40px;">a) $123 \times (42 - 40) = 123 \times 2$ $= 246$</p> <p style="padding-left: 40px;">b) $72 : (2 \times 4) = 72 : 8$ $= 9$</p> <p>2 HS</p> <p>Ta tính GTBT sau đó nối BT với số chỉ giá trị của nó Thi đua nối kết quả.</p> <p>- Nhóm trưởng HĐ + Gọi HS đọc đề bài. + Gọi HS phân tích đề + Gọi HS khác nhắc lại - Lớp làm vở</p> <p style="text-align: center;"><i>Bài giải</i></p> <p>Số hộp bánh xếp được là: $800 : 4 = 200$(hộp)</p> <p>Số thùng bánh xếp được là: $200 : 5 = 40$(thùng) Đáp số: 40 thùng</p> <p>- HS nêu</p>	<p>HS giỏi.</p> <p>HS giỏi</p>
--	--	--------------------------------

Tiết :84

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Hình chữ nhật/84


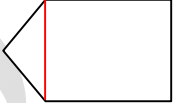
A- Mục tiêu

- Bước đầu nhận biết một số yếu tố (đỉnh, cạnh, góc) của hình chữ nhật.
- Biết cách nhận dạng hình chữ nhật (theo yếu tố cạnh, góc)
- BT 1, 2, 3, 4.

B- Chuẩn bị: GV : Bảng phụ- Ê- ke.

C- Các hoạt động dạy học chủ yếu

GV	HS	ĐC
<p>1/ Ôn định</p> <p>2/ Bài mới:Giới thiệu bài.</p> <p>a) <i>HD 1: Giới thiệu hình chữ nhật.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV vẽ HCN ABCD - Nêu tên hình? - GV GT : Đây là hình chữ nhật. - Dùng thước đo độ dài HCN? - So sánh độ dài của cạnh AB và CD? - So sánh độ dài của cạnh AD và BC? + Vậy HCN có hai cạnh dài bằng nhau, hai cạnh ngắn bằng nhau. - Dùng ê- ke để kiểm tra các góc của HCN ABCD? - GV treo bảng phụ, vẽ một số hình. Đây là HCN? Nêu đặc điểm của HCN? <p>b) <i>HD 2: Luyện tập:</i></p> <p>* <i>Bài 1:- HS HĐ cá nhân trong nhóm</i></p> <p>- Kiểm tra, nhận xét.</p> <p>* <i>Bài 2:- HS HĐ cá nhân trong nhóm</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hát - Kiểm tra sự chuẩn bị các nhóm - Hình chữ nhật ABCD - HS đo <ul style="list-style-type: none"> $AB = CD$ $AD = BC$ - HS đọc - HCN có 4 góc vuông - HS nhận biết - HS nêu - HS HĐ nhóm - HS đọc- Dùng thước và ê ke để KT- Nêu KQ: Hình chữ nhật là hình MNPQ và RSTU. - HS đo - HS đo và nêu KQ Hình 1. $AB = CD = 4cm; AD = BC = 3cm$ Hình 2. $MN = PQ = 5cm; MQ = NP = 2cm$ - HS HĐ nhóm - Dùng thước để đo độ dài các cạnh và báo cáo KQ? 	

<p>- Kiểm tra, nhận xét * Bài 3: Gọi HS đọc đề. - Treo bảng phụ - Cho HS nêu tên HCN</p> <p>- Dùng thước và ê- ke để KT và tìm các chiều mỗi HCN? - Chữa bài, nhận xét. *Bài 4.- HS HĐ cá nhân trong nhóm</p> <div style="text-align: center; margin: 10px 0;">  </div> <p>- Kiểm tra, nhận xét. 3/ Củng cố, dặn dò: - Nêu đặc điểm của hình chữ nhật? * Dặn dò: Ôn lại bài.</p>	<p>- Các hình chữ nhật là: ABNM, MNCD, ABCD. -Nêu CD,CR mỗi hình. Kẻ thêm một đoạn thẳng để được hình chữ nhật (ở các hình cho sẵn)</p> <p><i>Hình chữ nhật có hai cạnh dài bằng nhau và hai cạnh ngắn bằng nhau và có 4 góc vuông.</i></p> <p>- HS HĐ nhóm - HS đọc đề, vẽ 2 hình lên bảng - Bài tập yêu cầu ta làm gì? - HS lớp tự vẽ vào vở nháp</p> <div style="text-align: center; margin: 10px 0;">  </div>
--	--

Tiết : 85

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Hình vuông/85

A- Mục tiêu

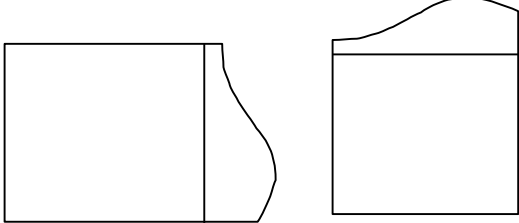
- Nhận biết một số yếu tố (đỉnh, cạnh, góc) của hình vuông
- Vẽ được hình vuông đơn giản (trên giấy kẻ ô vuông).
- HS làm bài tập 1, 2, 3, 4.

B- Chuẩn bị

GV : Bảng phụ- Ê- ke

C- Các hoạt động dạy học chủ yếu

GV	HS	ĐC
<p>1/ Ôn định</p>	<p>- Hát - Kiểm tra sự chuẩn bị các nhóm</p>	
<p>2/ Kiểm tra: - Nêu đặc điểm của hình chữ nhật? - Nhận xét.</p>	<p>2- 3 HS nêu - Nhận xét.</p>	

<p>3/ Bài mới:Giới thiệu bài.</p> <p>a) <i>HD 1: Giới thiệu hình vuông.</i></p> <ul style="list-style-type: none">- Vẽ 1 hình vuông, 1 hình tròn, 1 hình chữ nhật. Đây là hình vuông?- Dùng ê- ke để KT các góc của hình vuông?- Dùng thước để KT các cạnh của hình vuông? <p>+ <i>GVKL: Hình vuông có 4 góc vuông và 4 cạnh bằng nhau.</i></p> <ul style="list-style-type: none">- Tìm trong thực tế các vật có dạng hình vuông? <p>b) <i>HD 2: Luyện tập</i></p> <p>* <i>Bài 1:- HS HĐ nhóm</i></p> <p>- Kiểm tra, nhận xét.</p> <p>* <i>Bài 2:- HS HĐ nhóm</i></p> <p>- Kiểm tra, nhận xét.</p> <p>*<i>Bài 3.- HS HĐ nhóm</i></p> <p>- Kiểm tra, nhận xét.</p> <p>* <i>Bài 4: - HS HĐ nhóm</i></p> <ul style="list-style-type: none">- Yêu cầu HS vẽ hình vào vở ô li.- Kiểm tra, nhận xét.	<ul style="list-style-type: none">- HS nhận biết và chỉ hình vuông.- Hình vuông có 4 góc vuông- Hình vuông có 4 cạnh bằng nhau. <p>+ HS đọc</p> <p>- HS nêu</p> <ul style="list-style-type: none">- Nhóm trưởng HĐ- HS đọc đề- Dùng thước và êke để KT từng hình- Nêu KQ: <p>+<i>Hình EGHI là hình vuông</i></p> <ul style="list-style-type: none">- Nhóm trưởng HĐ- Dùng thước để đo độ dài các cạnh- Nêu KQ <p>+ <i>Hình ABCD có độ dài các cạnh là: 3cm.</i></p> <p>+ <i>Hình MNPQ có độ dài các cạnh là: 4cm.</i></p> <ul style="list-style-type: none">- Nhóm trưởng HĐ-Yêu cầu HS kẻ thêm một đoạn thẳng để được hình vuông- HS vẽ hình- 1 HS vẽ trên bảng <div style="text-align: center;"></div> <ul style="list-style-type: none">- Nhóm trưởng HĐVẽ vào vở.
--	---

<p>4/ Củng cố, dặn dò:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu đặc điểm của hình vuông? - So sánh sự giống và khác nhau giữa hình vuông và HCN? <p>-Nhận xét-dặn dò: Ôn lại bài.</p>	<p><i>HS nêu</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + <i>Giống nhau: Đều có 4 góc vuông.</i> + <i>Khác nhau:</i> - <i>HCN: có 2 cạnh dài bằng nhau, 2 cạnh ngắn bằng nhau.</i> - <i>Hình vuông; có 4 cạnh dài bằng nhau.</i>
--	--

TUẦN 18

Tiết: 86

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Chu vi hình chữ nhật/87

A- Mục tiêu

- Nhớ quy tắc tính chu vi hình chữ nhật và vận dụng để tính được chu vi HCN (biết chiều dài, chiều rộng)

- Giải toán có nội dung liên quan đến tính chu vi hình chữ nhật.

B- Chuẩn bị

GV : Thước và phấn màu

C- Các hoạt động dạy học chủ yếu

GV	HS	ĐC
<p>1/ Ổn định:</p> <p>2/ Kiểm tra:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu đặc điểm của hình vuông? - Nhận xét. <p>3/ Bài mới:Giới thiệu bài + ghi tựa.</p> <p>a) <i>HĐ 1: Ôn về chu vi các hình.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Muốn tính chu vi hình tứ giác ta làm ntn? <p>b) <i>HĐ 2: Tính chu vi hình chữ nhật.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Vẽ HCN ABCD có chiều dài là 4cm, chiều rộng là 3cm. Tính chu vi HCN? - Yêu cầu tính tổng của 1 cạnh dài và 1 cạnh rộng? - 14 cm gấp mấy lần 7cm? + Vậy khi tính chu vi HCN ta lấy chiều dài cộng với chiều rộng, sau đó nhân với 2.Ta viết là $(4 + 3) \times 2 = 14\text{cm}$. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hát - Kiểm tra sự chuẩn bị các nhóm 2- 3 HS nêu - Nhận xét - Nhắc lại. <ul style="list-style-type: none"> - Tính tổng độ dài các cạnh của hình tứ giác đó. Chu vi hình chữ nhật ABCD là: $4\text{cm} + 3\text{cm} + 4\text{cm} + 3\text{cm} = 14\text{cm}$. $4\text{cm} + 3\text{cm} = 7\text{cm}$. - 14cm gấp 2 lần 7cm - HS đọc qui tắc: <i>Muốn tính chu vi HCN ta lấy chiều dài cộng chiều rộng rồi nhân với</i> 	

<p>* Lưu ý: các số đo phải cùng đơn vị đo. c) HD 3: <i>Luyện tập</i> * Bài 1:- HS HĐ nhóm</p> <p>- Kiểm tra, nhận xét.</p> <p>* Bài 2:- HS HĐ nhóm</p> <p>- Cho HS làm bài.</p> <p>- Kiểm tra, nhận xét.</p> <p>* Bài 3:- HS HĐ nhóm</p> <p>- GV HD HS tính chu vi 2 HCN, sau đó so sánh hai chu vi với nhau và chọn câu trả lời đúng.</p> <p>- Kiểm tra, nhận xét.</p> <p>4/ Củng cố, dặn dò:</p> <p>- Muốn tính chu vi hình chữ nhật ta làm ntn?</p> <p>* Dặn dò: Ôn lại bài.</p>	<p>2.</p> <p>- Nhóm trưởng HĐ</p> <p>- Đọc đề?</p> <p>- Lớp làm vở</p> <p style="padding-left: 20px;">a) Chu vi hình chữ nhật là: $(10 + 5) \times 2 = 30(\text{ cm})$</p> <p style="padding-left: 20px;">b) Chu vi hình chữ nhật là: $(27 + 13) \times 2 = 80(\text{cm})$</p> <p>- Nhóm trưởng HĐ</p> <p>HS đọc đề. HS phân tích đề.</p> <p>Làm vở.</p> <p>Chu vi mảnh đất hình chữ nhật là: $(35 + 20) \times 2 = 110(\text{ m})$ ĐS: 110 m</p> <p>- Nhóm trưởng HĐ</p> <p>- Đọc đề?</p> <p>+ Chu vi hình chữ nhật ABCD là: $(63 + 31) \times 2 = 188(\text{ m})$</p> <p>+ Chu vi hình chữ nhật MNPQ là: $(54 + 40) \times 2 = 188(\text{ m})$</p> <p><i>Vậy chu vi HCN ABCD bằng chu vi HCN MNPQ.</i></p> <p>2 HS nêu</p>
--	---

Tiết: 87

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Chu vi hình vuông/88

A- Mục tiêu

- Nhớ quy tắc tính chu vi hình vuông(độ dài nhân 4).
- Vận dụng quy tắc để tính được chu vi hình vuông và giải bài toán có nội dung liên quan đến chu vi hình vuông.

B- Chuẩn bị

GV : Thước và phấn màu.

C- Các hoạt động dạy học chủ yếu

GV	HS	ĐC
<p>1/ Ôn định:</p> <p>2/ Kiểm tra:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Muốn tính chu vi HCN ta làm ntn? - Nhận xét. <p>3/ Bài mới:Giới thiệu bài + ghi tựa.</p> <p>a) <i>HD 1: Xây dựng công thức tính chu vi hình vuông.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Vẽ hình vuông ABCD có cạnh 3dm. - Tính chu vi hình vuông? - 3 là gì của hình vuông? - Hình vuông có mấy cạnh? các cạnh ntn với nhau? <p>+ GV KL:<i>Muốn tính chu vi hình vuông ta lấy độ dài 1 cạnh nhân với 4</i></p> <p>b) <i>HD 2: Luyện tập:</i></p> <p>* Bài 1:- HS HĐ cá nhân trong nhóm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, nhận xét. <p>* <i>Bài 2:- HS HĐ nhóm</i></p> <p>HS làm vở</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, nhận xét. <p>* <i>Bài 3:- HS HĐ nhóm</i></p> <p>- HS làm vở</p> <p>- Kiểm tra, nhận xét.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hát - Kiểm tra sự chuẩn bị các nhóm <p>2- 3 HS nêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét. - Nhắc lại. <p>$3 + 3 + 3 + 3 = 12\text{dm}$ (Hoặc: $3 \times 4 = 12\text{dm}$)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là cạnh của hình vuông - Có 4 cạnh có độ dài bằng nhau <p>- HS đọc qui tắc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm trưởng HĐ - HS đọc đề - HS tự làm, đổi vở- KT - Nhóm trưởng HĐ - Đọc đề? - Muốn tính độ dài đoạn dây ta làm ntn?(Ta tính chu vi hình vuông) - Lốp làm vở <p style="text-align: center;"><i>Bài giải</i></p> <p style="text-align: center;">Độ dài đoạn dây đó là: $10 \times 4 = 40(\text{ cm})$ Đáp số: 40cm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm trưởng HĐ - Đọc đề? - Nêu quy tắc tính chu vi HCN? - Làm vở <p style="text-align: center;"><i>Bài giải</i></p> <p style="text-align: center;">Chiều dài hình chữ nhật là: $20 \times 3 = 60(\text{ cm})$ Chu vi của hình chữ nhật là:</p>	

<p>*Bài 4:- HS HĐ cá nhân trong nhóm</p> <p>- Kiểm tra, nhận xét.</p> <p>4/ Củng cố, dặn dò:</p> <p>- Nêu qui tắc tính chu vi HCN? hình vuông?</p> <p>* Dặn dò: Ôn lại bài.</p>	<p style="text-align: center;">$(60 + 20) \times 2 = 160(\text{cm})$ Đáp số: 160cm.</p> <p>HS đọc đề Thực hành đo rồi tính chu vi hình vuông</p> <p>- HS đọc</p>
--	--

Tiết: 88

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Luyện tập/89

A- Mục tiêu

- Biết tính chu vi hình chữ nhật, chu vi hình vuông qua việc giải toán có nội dung hình học.

- Bài 1b dành cho HS giỏi .

B- Chuẩn bị

GV : Bảng phụ- Phiếu HT

C- Các hoạt động dạy học chủ yếu

GV	HS	ĐC
<p>1/ Ôn định:</p> <p>2/ Kiểm tra:</p> <p>- Nêu quy tắc tính chu vi HCN? Hình vuông?</p> <p>- Nhận xét.</p> <p>3/Bài mới: Giới thiệu bài + ghi tựa. Luyện tập:</p> <p>* Bài 1/a:- HS HĐ nhóm</p> <p>- Cho HS làm vở nháp.</p> <p>- Bài b gọi HS trả lời.</p> <p>- Kiểm tra, nhận xét.</p> <p>* Bài 2:- HS HĐ nhóm</p>	<p>- Hát</p> <p>- Kiểm tra sự chuẩn bị các nhóm</p> <p>- 2 -3 HS nêu</p> <p>- Nhận xét.</p> <p>- Nhắc lại.</p> <p>- Nhóm trưởng HĐ <i>Đọc đề.</i></p> <p>- Vở nháp.</p> <p>- 1 HS</p> <p>- Nhóm trưởng HĐ</p> <p>- Đọc đề?</p> <p>- HĐ : Chu vi của khung tranh</p>	<p>HS giỏi</p>

<p>- Kiểm tra, nhận xét.</p> <p>* Bài 3:- HS HĐ nhóm</p> <p>- Kiểm tra, nhận xét.</p> <p>* Bài 4:- HS HĐ nhóm</p> <p>- Kiểm tra, nhận xét.</p> <p>4/ Củng cố, dặn dò:</p> <p>- Nêu cách tính chu vi HCN và Chu vi hình vuông?</p> <p>* Dặn dò: Ôn lại bài.</p>	<p>chính là chu vi hình vuông. có cạnh 50cm.</p> <ul style="list-style-type: none">- Đề bài hỏi chu vi theo đơn vị nào? (Đơn vị mét)- Giải bài xong ta cần làm gì? (Ta cần đổi đơn vị cm ra mét)- Cả lớp làm vở. <p style="text-align: center;"><i>Bài giải</i></p> <p><i>Chu vi của khung bức tranh đó là:</i></p> $50 \times 4 = 200(\text{ cm})$ $\text{Đổi } 200\text{cm} = 2\text{m}$ <p style="text-align: center;"><i>Đáp số: 2m.</i></p> <ul style="list-style-type: none">- Nhóm trưởng HĐ- Đọc đề?- Muốn tính cạnh hình vuông ta làm ntn? (Ta lấy chu vi chia cho 4)- HS làm vở <p style="text-align: center;"><i>Bài giải</i></p> <p><i>Độ dài cạnh của hình vuông đó là:</i></p> $24 : 4 = 6(\text{ cm})$ <p style="text-align: center;"><i>Đáp số: 6cm.</i></p> <ul style="list-style-type: none">- Nhóm trưởng HĐ- Đọc đề?- Nửa chu vi HCN là gì?(Là tổng chiều dài và chiều rộng)- Làm thế nào để tính được chiều dài của HCN?(Lấy nửa chu vi trừ đi chiều rộng) <p>+ HS làm phiếu HT</p> <p style="text-align: center;"><i>Bài giải</i></p> <p><i>Chiều dài hình chữ nhật là:</i></p> $60 - 20 = 40(\text{m})$ <p style="text-align: center;"><i>Đáp số: 40m.</i></p> <p>- 2 HS</p>	
---	--	--

Tiết :89

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Luyện tập chung/90

A- Mục tiêu

- Biết làm tính nhân, chia trong bảng; nhân (chia) số có hai, ba chữ số với (cho) số có một chữ số.
- Biết tính chu vi hình chữ nhật, chu vi hình vuông, giải toán về tìm một phần mấy của một số.
- Bài 2 cột 4,5 và bài 5 dành cho HS giỏi.

B- Chuẩn bị

GV : Bảng phụ- Phiếu HT

C- Các hoạt động dạy học chủ yếu

GV	HS	ĐC
<p>1/ Ôn định:</p> <p>2/ Bài mới: Giới thiệu bài+ghi tựa.</p> <p>Luyện tập:</p> <p>* Bài 1: <i>Nêu yêu cầu.</i></p> <p>- Cho HS chơi trò chơi truyền điện.</p> <p>- Kiểm tra, nhận xét.</p> <p><i>Bài 2: cột 1,2,3- HS HĐ nhóm</i></p> <p>- Cho HS làm vở nháp.</p> <p>- <i>Cột 4,5 gọi HS l trả làm nhanh.</i></p> <p>- Kiểm tra, nhận xét.</p> <p>* <i>Bài 3:- HS HĐ nhóm</i></p> <p>- Kiểm tra, nhận xét.</p> <p>* <i>Bài 4: - HS HĐ nhóm</i></p>	<p>- Hát</p> <p>- Nhắc lại.</p> <p>- Trưởng ban học tập HĐ</p> <p>- Cho HS chơi trò chơi truyền điện.</p> <p>Thực hiện</p> <p>- Nhóm trưởng HĐ</p> <p>- Nêu yêu cầu bài toán</p> <p>- HS làm vở nháp.</p> <p>4HS</p> <p>- Nhóm trưởng HĐ</p> <p>- Đọc đề?</p> <p>- BT yêu cầu gì?</p> <p>- Muốn tính chu vi HCN ta làm ntn?</p> <p>- Làm vở.</p> <p style="text-align: center;"><i>Bài giải</i></p> <p style="text-align: center;">Chu vi mảnh vườn hình chữ nhật là:</p> <p style="text-align: center;">$(100 + 60) \times 2 = 320\text{cm}$</p> <p style="text-align: center;">Đáp số: 320cm.</p> <p>- Nhóm trưởng HĐ</p> <p>- Đọc đề?</p>	<p>HS giỏi</p>

<p>- Cả lớp làm vở.</p> <p>- Kiểm tra, nhận xét.</p> <p>Bài 5: Nêu yêu cầu.</p> <p>- Gọi HS làm bảng lớp.</p> <p>- Nhận xét, sửa bài.</p> <p>3/ Củng cố, dặn dò:</p> <p>* Đánh giá bài làm của HS</p> <p>* Dặn dò: Ôn lại bài.</p>	<p>- Gọi HS phân tích đề.</p> <p>- Gọi HS khác phân tích lại.</p> <p>- Bài toán thuộc dạng toán gì?</p> <p>- Bài toán giải bằng hai phép tính.</p> <p>- HS làm vở.</p> <p style="text-align: center;"><i>Bài giải</i></p> <p>Số mét vải đã bán là: $81 : 3 = 27$ (m)</p> <p>Số mét vải còn lại là: $81 - 27 = 54$ (m)</p> <p style="text-align: right;">Đáp số: 54 m vải</p> <p>3 HS</p>	<p>HS giỏi.</p>
---	--	-----------------

Tiết : 90

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Kiểm tra định kì (cuối kì 1)

I. Mục tiêu:

- Biết nhân, chia nhẩm, trong phạm vi các bảng tính đã học, bảng chia 6,7.
- Biết nhân số có hai, ba chữ số (có nhớ 1 lần), chia số có hai ba chữ số cho số có một chữ số (chia hết và chia có dư).
- Biết tính giá trị biểu thức số đến hai dấu phép tính.
- Tính chu vi hình chữ nhật, chu vi hình vuông.
- Xem đồng hồ chính xác đến 5 phút.
- Giải bài toán có hai phép tính.

II. Thực hành:

A. Tự luận

Bài 1: Đặt tính rồi tính:

a/ 47×5 ; b/ $261:3$ c/ 205×4 ; d/ $457:4$

Bài 2: Tính giá trị biểu thức sau.

a/ $15 \times 3 \times 2$

b/ $500 + 6 \times 7$

c/ $175 - (30 + 20)$

d/ $48 \times (4 : 2)$

Bài 3: Tìm x

a. $235 - x = 83$

b. $204 : x = 2$

Bài 4: Anh hái được 60 quả cam, em hái được 35 quả cam . Số cam cả hai anh em được xếp vào 5 hộp. Hỏi mỗi hộp có bao nhiêu quả cam?

B. Trắc nghiệm

Khoanh tròn đáp án đúng.

Bài 1: Hình vuông có cạnh 5 cm. Chu vi hình vuông là....?

a. 16 cm

b. 10 cm

c. 20 cm

d. 25 cm

Bài 2: Tính chu vi hình chữ nhật, biết chiều rộng 6 cm, chiều dài gấp đôi chiều rộng.

a. 12 cm

b. 36 cm

c. 18 cm

d. 22 cm

Bài 3:



a. 8 giờ 5 phút

b. 9 giờ kém 5 phút

c. 8 giờ 50 phút

TUẦN 19

Tiết: 91

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Các số có bốn chữ số/91

A- Mục tiêu

- Nhận biết các số có 4 chữ số (trường hợp các chữ số đều khác 0).

HOC360.NET - TÀI LIỆU HỌC TẬP MIỄN PHÍ

- Bước đầu biết đọc, viết các số có 4 chữ số và nhận ra giá trị của của các chữ số theo vị trí của nó ở từng hàng.

- Bước đầu nhận ra thứ tự của các số trong nhóm các số có 4 chữ số (trường hợp đơn giản).

- BT 3 c dành cho HS giỏi

B- Đồ dùng

GV + HS : các tấm bìa, mỗi tấm bìa có 100, 10, 1 ô vuông, Bảng phụ

C- Các hoạt động dạy học chủ yếu

GV	HS	ĐC												
<p>1/ Ôn định:</p> <p>2/ Bài mới: giới thiệu bài mới+ghi tựa</p> <p>a) HD 1: Giới thiệu số có bốn chữ số:</p> <p>- Lấy 1 tấm bìa, quan sát.</p> <p>- Tấm bìa có mấy cột ?</p> <p>- Mỗi cột có bao nhiêu ô vuông?</p> <p>- Cả tấm bìa có bao nhiêu ô vuông?</p> <p>- Lấy 10 tấm bìa như thế và xếp vào 1 nhóm.</p> <p>- Vậy nhóm này có bao nhiêu ô vuông?</p> <p>- Lấy tiếp 4 tấm bìa như thế và xếp vào 1 nhóm khác. Nhóm thứ hai này có bao nhiêu ô vuông?</p> <p>- Lấy tiếp nhóm thứ ba có 2 tấm bìa, mỗi tấm có 10 ô vuông. Vậy nhóm thứ ba có bao nhiêu ô vuông?</p> <p>- Lấy tiếp nhóm thứ tư 1 tấm bìa có 3 ô vuông. nhóm thứ tư có bao nhiêu ô vuông?</p> <p>- Vậy tất cả 4 nhóm có bao nhiêu ô vuông?</p> <p>+ Treo bảng phụ kẻ bảng như SGK:</p> <p>- Đọc dòng đầu của bảng ?</p> <p>- HD HS viết các số vào bảng theo các hàng từ hàng đơn vị đến hàng nghìn.</p> <p>+ GV nêu : - số gồm 1 nghìn, 4 trăm, 2 chục, 3 đơn vị viết là: 1423, đọc là" Một nghìn bốn trăm hai mươi ba"</p> <p>- Số 1423 là số có bốn chữ số, kể từ trái sang phải : chữ số 1 chỉ một nghìn, chữ số 4 chỉ 4 trăm, chữ số 2 chỉ 2 chục, chữ số 3 chỉ 3 đơn</p>	<p>- Hát</p> <p>- Nhắc lại.</p> <p>- Có 10 cột</p> <p>- 10 ô vuông</p> <p>- 100 ô vuông</p> <p>- Thực hành xếp, (đếm thêm 100 để có 100, 200, ..., 1000)</p> <p>- 1000 ô vuông.</p> <p>- 400 ô vuông</p> <p>- 20 ô vuông</p> <p>- 3 ô vuông</p> <p>- 1000, 400, 20, 3 ô vuông.</p> <p>- Đọc : nghìn, trăm, chục, đơn vị.</p> <p style="text-align: center;">HÀNG</p> <table border="1" style="margin-left: auto; margin-right: auto; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th>Nghìn</th> <th>Trăm</th> <th>Chục</th> <th>Đơn vị</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="text-align: center;">1000</td> <td style="text-align: center;">100</td> <td style="text-align: center;">10</td> <td style="text-align: center;">1</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">1</td> <td style="text-align: center;">4</td> <td style="text-align: center;">2</td> <td style="text-align: center;">3</td> </tr> </tbody> </table> <p>- Viết 1423- Đọc : Một nghìn bốn trăm hai mươi ba.</p> <p>- Nêu lại: Số 1423 là số có bốn</p>	Nghìn	Trăm	Chục	Đơn vị	1000	100	10	1	1	4	2	3	
Nghìn	Trăm	Chục	Đơn vị											
1000	100	10	1											
1	4	2	3											

<p>vi.(Lấy 1 vài VD khác)</p> <p>b) HĐ 2: Thực hành:</p> <p>* Bài 1 / 92</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu yêu cầu BT - HD mẫu câu a. - HS HĐ cá nhân trong nhóm - Kiểm tra, nhận xét. <p>* Bài 2 / 93- HS HĐ nhóm</p> <p>.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, nhận xét. <p>* Bài 3 a,b / 93- HS HĐ nhóm</p> <p>.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS nêu kết quả miệng. - Kiểm tra, nhận xét. - Câu c gọi HS nêu nhanh - Câu c gọi HS nêu nhanh <p>3/ Củng cố, dặn dò:</p>	<p><i>chữ số, kể từ trái sang phải : chữ số 1 chỉ một nghìn, chữ số 4 chỉ 4 trăm, chữ số 2 chỉ 2 chục, chữ số 3 chỉ 3 đơn vị.</i></p> <p>+ Viết theo mẫu</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS HĐ - HS tự làm câu b rồi nêu kết quả, kiểm tra lẫn nhau. - Nhóm trưởng HĐ + Viết theo mẫu - HD mẫu. - Khi đọc và viết ta viết số theo thứ tự nào?(Từ trái sang phải, từ hàng nghìn đến hàng đơn vị.) - HS tự làm bài rồi nêu kết quả trong nhóm <p><i>5947: Năm nghìn chín trăm bốn mươi bảy. 9174: chín nghìn một trăm bảy mươi tư. 2835: hai nghìn tám trăm ba mươi lăm</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm trưởng HĐ - Nêu yêu cầu BT? - Dãy số có đặc điểm gì ? - Muốn điền số tiếp theo em làm ntn?(Lấy số đứng trước cộng thêm 1 đơn vị.) <p><i>1984; 1985; 1986, 1987, 1988; 1989. 2681; 2682; 2683; 2684; 2685; 2686.</i></p> <p>Nêu miệng.</p>	<p>HS giỏi</p>
---	---	----------------

<ul style="list-style-type: none"> - Đọc số: 3246, 6758. - Giá trị của mỗi chữ số ? - Dặn dò: Ôn lại bài. 	1 HS - HS đọc và nêu giá trị của mỗi chữ số.
--	---

Tiết: 92

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Luyện tập/94

A- Mục tiêu:

- Biết đọc, viết các số có 4 chữ số (trường hợp các chữ số đều khác 0).
- Biết thứ tự của các số có bốn chữ số trong dãy số.
- Bước đầu làm quen với các số tròn nghìn (từ 1000 đến 9000).
- *Bài 3c dành cho HS giỏi.*

B- Đồ dùng GV : Bảng phụ- Phiếu HT

C- Các hoạt động dạy học chủ yếu

GV	HS	ĐC
<p>1/ Ôn định:</p> <p>2/ Bài cũ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc và viết các số: 3457; 2198. Nêu giá trị của mỗi chữ số? - Nhận xét. <p>3/ Bài mới: Giới thiệu bài, nêu tựa bài.</p> <p>Luyện tập:</p> <p>* <i>Bài 1:</i> - HS HĐ nhóm</p> <p>- Kiểm tra, nhận xét.</p> <p>*<i>Bài 2:</i> Nêu yêu cầu.</p> <p>- HĐ mẫu.</p>	<p>Hát</p> <p>2- 3 HS làm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét - Nhắc lại. <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm trưởng HĐ - Đọc đề? (Viết số.) - Khi đọc, viết số ta đọc, viết theo thứ tự nào?(Từ trái sang phải) - Nhóm trưởng đọc cho các bạn viết số vào vở nháp. + <i>Chín nghìn bốn trăm sáu mươi hai: 9462</i> + <i>Một nghìn chín trăm năm mươi tư: 1954</i> + <i>Bốn nghìn bảy trăm sáu mươi lăm: 4765</i> - Quan sát. 	

<p>- Cho HS nêu miệng.</p> <p>- Nhận xét</p> <p>* <i>Bài 3</i>:- HS HĐ nhóm</p> <p>- Kiểm tra, nhận xét.</p> <p>- <i>Câu c cho 2 HS thi đua làm nhanh</i></p> <p>* <i>Bài 4</i>:</p> <p>- Đọc đề?</p> <p>- HD vẽ tia số:</p> <p>- Điểm gốc của tia số là điểm nào?</p> <p>- Đặc điểm của các số trên tia số?</p> <p>- Muốn viết tiếp số tròn nghìn em làm ntn?</p> <p>- Cho HS làm vào vở.</p> <p>- Đọc dãy số tròn nghìn vừa viết?</p> <p>4/ Củng cố, dặn dò:</p> <p>- Thi đọc và viết số.</p> <p>- Dặn dò: Ôn lại bài.</p>	<p>6358: Sáu nghìn ba trăm năm mươi tám.</p> <p>.....</p> <p>- Nhóm trưởng HĐ (phiếu học tập.)</p> <p>- Viết tiếp số.</p> <p>- Dãy số có đặc điểm gì?(Hai số đứng liền nhau hơn kém nhau 1 đơn vị.)</p> <p>- Muốn điền được số tiếp theo em làm ntn?(Lấy số đứng trước cộng thêm 1 đơn vị.)</p> <p>8650; 8651; 8652; 8653; 8654; 8655.</p> <p>3120,3121,3122,3123,3124,3125,3126.</p> <p>2HS</p> <p>- Đọc</p> <p>- Điểm 0(trùng với điểm 0 trên thước)</p> <p>- Hai số đứng liền nhau hơn kém nhau 1000 đơn vị.</p> <p>- Lấy số đứng trước cộng thêm 1000.</p> <p>1000; 2000; 3000; 4000; 5000; 6000; 7000; 8000; 9000.</p> <p>- Đọc xuôi, đọc ngược.</p> <p>+ HS 1: Đọc số bất kì</p> <p>+ HS 2: Viết số bạn vừa đọc</p>	HS giỏi
---	---	---------

Tiết: 93

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Các số có 4 chữ số /95

A- Mục tiêu

<p>- Kiểm tra, nhận xét.</p> <p>* Bài 3:- Đọc thầm các dãy số? - Các số trong dãy số a là những số ntn? - Các số trong dãy số b có đặc điểm gì? - Các số trong dãy số c có đặc điểm gì? - Các số trong dãy số có đặc điểm gì?</p> <p>- Kiểm tra, nhận xét. 3/ Củng cố, dặn dò: - Cho VD về số tròn nghìn? Tròn trăm, tròn chục? - Dặn dò: Ôn đọc, viết số.</p>	<p>gi?(hai số liên tiếp đứng liền nhau hơn kém nhau 1 đơn vị.) - Muốn điền được số tiếp theo em làm ntn? (Lấy số đứng trước cộng thêm 1 đơn vị) - Thực hiện vở nháp 5616; 5617; 5618; 5619; 5620; 5621. 8009; 8010; 8011; 8012; 8013; 8014. 6000; 6001; 6002; 6003; 6004; 6005. - Đọc thầm - Là những số tròn nghìn. - Là những số tròn trăm. - Là những số tròn chục. - HS nêu - Làm phiếu HT 3000; 4000; 5000; 6000; 7000; 8000. 9000; 9100; 9200; 9300; 9400; 9500. 4420; 4430; 4440; 4450; 4460; 4470.</p> <p>- HS nêu</p>	
---	---	--

Tiết: 94

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Các số có bốn chữ số/96

A- Mục tiêu

- Biết cấu tạo thập phân của số có bốn chữ số.
 - Biết viết số có bốn chữ số thành tổng của các nghìn, trăm, chục, đơn vị và ngược lại.
- Bài 2 :cột 2 câu a;cột 2,3 câu b.Bài 4 dành cho HS giỏi.

B- Đồ dùng GV : Bảng phụ chép bài học như SGK, Phiếu HT

C- Các hoạt động dạy học chủ yếu

GV	HS	ĐC
<p>1/ Ôn định:</p> <p>2/ Bài cũ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc các số: 4520; 6800 - Viết các số: Bảy nghìn bốn trăm; Hai nghìn sáu trăm ba mươi. - Nhận xét. <p>3/ Bài mới: Giới thiệu bài mới+ghi tựa.</p> <p>a) <i>HD 1: HD phân tích số theo cấu tạo thập phân.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Ghi bảng: 5427- Gọi HS đọc. - Số 5427 gồm mấy nghìn, mấy trăm, mấy chục, mấy đơn vị? - Viết thành tổng các nghìn, các trăm, các chục, các đơn vị? - Nhận xét và treo bảng phụ nêu cách viết đúng. - HD tương tự với các số khác trong bảng. <p>* Lưu ý: - Số bất kì cộng với 0 cho ta KQ là bao nhiêu?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vậy số 0 trong tổng không ảnh hưởng đến giá trị của tổng (VD: 2005= 2000 +5) <p>b) <i>HD 2: Luyện tập:</i></p> <p>* <i>Bài 1</i> :- HS HĐ nhóm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, nhận xét. <p>* <i>Bài 2</i> :- HS HĐ nhóm</p>	<p>Hát</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra sự chuẩn bị các nhóm <p>4 HS thực hiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhắc lại. - Năm nghìn bốn trăm hai mươi bảy - 5 nghìn, 4 trăm, 2 chục, 7 đơn vị $5427 = 5000 + 400 + 20 + 7$ $9683 = 9000 + 600 + 80 + 3$ $7070 = 7000 + 70$ $8102 = 8000 + 100 + 2$ $6790 = 6000 + 700 + 90.$ $4400 = 4000 + 400$ $2005 = 2000 + 0 + 0 + 5$ <p>HS nêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm trưởng HĐ - Viết các số (theo mẫu) - Viết ra phiếu HT - Nhóm trưởng HĐ - BT yêu cầu gì? (Cho tổng của các nghìn, các trăm, các chục, các đơn vị.) 	

<p>- Kiểm tra, nhận xét. - <i>Cột 2 câu a; cột 2,3 câu b gọi HS làm nhanh trên bảng lớp.</i> * <i>Bài 3:- HS HĐ nhóm</i></p> <p>- Nhận xét, chữa bài. - <i>Bài 4: nêu yêu cầu.</i> + <i>Cho HS thi đua</i> + <i>Nhận xét</i> 4/ Củng cố, dặn dò: - Thi viết nhanh thành tổng: 6543; 7890; 3003 - Dặn dò: Ôn lại bài.</p>	<p>- Viết thành số có 4 chữ số. - Làm phiếu HT $300 + 600 + 10 + 2 = 3612$ $7000 + 900 + 90 + 9 = 7999$ $4000 + 400 + 4 = 4404$ 5 HS</p> <p>- Nhóm trưởng HĐ - BT yêu cầu gì? (Viết số) - Viết vào vở nháp 8551; 8550; 8500.</p> <p>3 HS</p> <p>- HS thi viết</p>	<p>HS giỏi.</p> <p>HS giỏi.</p>
---	--	---------------------------------

Tiết: 95

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Số 10000- luyện tập/97.

A- Mục tiêu

- HS biết số 10 000 (mười nghìn hoặc một vạn).
- Biết về các số tròn nghìn, tròn trăm, tròn chục và thứ tự các số có bốn chữ số.
- *Bài 6 dành cho HS giỏi*

B- Đồ dùng GV : Các thẻ ghi số 10 000

C- Các hoạt động dạy học chủ yếu

HS	GV	ĐC
<p>1/ Ôn định: 2/ Bài cũ: Viết số thành tổng. 4563; 3902; 7890. - Nhận xét. 3/ Bài mới: Giới thiệu bài mới+ghi tựa.</p>	<p>- Hát - Kiểm tra sự chuẩn bị các nhóm - 3 HS làm - Nhận xét. - Nhắc lại.</p>	

<p>a) <i>HD 1: Giới thiệu số 10 000.</i></p> <ul style="list-style-type: none">- Giao việc: Lấy 8 thẻ có ghi số 1000- Gv gắn 8 thẻ lên bảng- Có mấy nghìn?- Lấy thêm 1 thẻ nữa: Tám nghìn thêm 1 nghìn là mấy nghìn?- Lấy thêm 1 thẻ nữa. Chín nghìn thêm 1 nghìn là mấy nghìn?- Để biểu diễn số mười nghìn, người ta viết số 10 000.- Số 10 000 gồm mấy chữ số? Là những chữ số nào? - Mười nghìn còn được gọi là một vạn. <p>b) <i>HD 2: Luyện tập:</i></p> <p>* <i>Bài 1:- HS HĐ nhóm</i></p> <ul style="list-style-type: none">- Kiểm tra, nhận xét. - Thẻ nào là số tròn nghìn? <p>* <i>Bài 2:- HS HĐ nhóm</i></p> <ul style="list-style-type: none">- Kiểm tra, nhận xét.- Em có nhận xét gì về số tròn trăm? <p>* <i>Bài 3:- HS HĐ nhóm</i></p> <ul style="list-style-type: none">- Kiểm tra, nhận xét. <p>* <i>Bài 4:- HS HĐ nhóm</i></p>	<ul style="list-style-type: none">- Thực hiện- 8 nghìn- 9 nghìn - 10 nghìn- đọc: mười nghìn - Gồm 5 chữ số. Chữ số 1 đứng đầu và 4 chữ số 0 đứng tiếp theo.- Đọc: Mười nghìn còn được gọi là một vạn. - Nhóm trưởng HĐ- BT yêu cầu gì? (Viết số tròn nghìn tự 1000 đến 10 000.)- Làm phiếu HT <i>1000; 2000; 3000; 4000; 5000; 6000; 7000; 8000; 9000; 10000.</i>- Có 3 chữ số 0 ở tận cùng- Nhóm trưởng HĐ- BT yêu cầu gì?(Viết số tròn trăm.- Viết vào nháp: <i>9300; 9400; 9500; 9600; 9700; 9800; 9900.</i>- Có 2 chữ số 0 ở tận cùng.- Nhóm trưởng HĐ- BT yêu cầu gì?(Viết số tròn chục.)- HS viết vào vở nháp- <i>9940, 9950, 9960, 9970, 9980, 9990</i>- Nhóm trưởng HĐ- BT yêu cầu gì? - Muốn viết được số tiếp theo ta làm ntn? (Lấy số đứng trước
---	--

<p>- Kiểm tra, nhận xét.</p> <p>* Bài 5: - HS HĐ nhóm</p> <p>- Kiểm tra, nhận xét.</p> <p><i>Bài 6: Nêu yêu cầu</i></p> <p>- Cho HS thi đua làm bài.</p> <p>- Nhận xét.</p> <p>4/ Củng cố, dặn dò:</p> <p>- Đếm thêm 1000 từ 1000 đến 10000?</p> <p>- Dặn dò: ôn lại bài.</p>	<p>cộng thêm 1.) 9995; 9996; 9997; 9998; 9999; 10 000.</p> <p>- Nhóm trưởng HĐ BT yêu cầu gì?</p> <p>- Nêu cách tìm số liền trước? số liền sau? (Lấy số đã cho trừ đi (cộng thêm) 1 đơn vị: 2664; 2665; 2666 2001; 2002; 2003 1998; 1999; 2000 9998, 9999, 10 000 6889, 6890, 6891.</p> <p>- Đếm xuôi, đếm ngược. 2 HS</p>	<p>HS giỏi</p>
--	--	----------------